

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

ĐỖ TRỌNG HIẾU

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI HIẾU NGHĨA**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

Hà Nội, năm 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

ĐỒ TRỌNG HIẾU

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI HIẾU NGHĨA**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã ngành: 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGHIÊM VĂN LỢI

Hà Nội, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn “*Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa*” là công trình nghiên cứu của tôi, với sự hướng dẫn của thầy giáo **PGS.TS Nghiêm Văn Lợi**. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Hà nội, ngày tháng 11 năm 2018

Tác giả

Đỗ Trọng Hiếu

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và thực tế, tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sỹ kế toán với đề tài “*Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa*”.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và bày tỏ lòng biết ơn tới tất cả các thầy cô giáo đã giảng dạy và giúp đỡ tác giả trong suốt khóa học và đặc biệt là thầy giáo **PGS.TS Nghiêm Văn Lợi**, đã tận tình hướng dẫn, quan tâm giúp đỡ, chỉ bảo và đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu giúp tác giả hoàn thiện Luận văn này.

Trong quá trình thực hiện, mặc dù đã nỗ lực hết mình trong quá trình học tập và nghiên cứu nhưng khó có thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế, vì vậy tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2018

Tác giả

Đỗ Trọng Hiếu

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ	IV
DANH MỤC PHỤ LỤC.....	V
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
1.1. Lý do chọn đề tài	1
1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
1.3. Mục đích nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu	2
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
1.5. Kết cấu của luận văn	4
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÔNG TY XÂY LẮP.....	6
2.1. Đặc điểm tổ chức, quản lý và hoạt động xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	6
2.2. Các vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	8
2.3. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm	10
2.4. Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp theo chuẩn mực kế toán và thông tư số 200/2014/TT-BTC	13
2.5. Kế toán chi phí chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	14
2.5.1. Kế toán chi phí chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên góc độ kế toán tài chính	14
2.5.2. Kế toán chi phí chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên góc độ kế toán quản lý, quản trị	30
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	39
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HIẾU NGHĨA.....	40

II

3.1. Khái quát chung về Công Ty TNHH đầu tư Và thương mại Hiếu Nghĩa	40
3.1.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển	40
3.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý	41
3.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ sản phẩm	42
3.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và vận dụng chế độ kế toán	43
3.1.5. Đặc điểm vận dụng chế độ kế toán, chính sách kế toán áp dụng	44
3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Hiếu Nghĩa dưới góc độ kế toán tài chính	45
3.2.1. Kế toán chi phí NVL TT	45
3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	49
3.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công	51
3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung	53
3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu nghĩa dưới góc độ kế toán quản trị .	55
3.3.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	55
3.3.2. Phân tích chênh lệch chi phí	56
3.3.3. Cung cấp thông tin kế toán quản trị để ra quyết định và báo cáo kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp	59
3.3.4. Tổ chức lập dự toán chi phí	59
3.4. Những hạn chế cần khắc phục	60
3.4.1. Dưới góc độ kế toán tài chính	60
3.4.2. Dưới góc độ kế toán quản trị	63
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	68
CHƯƠNG 4: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HIẾU NGHĨA	69

III

4.1. Yêu cầu khi thực hiện hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa	69
4.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa dưới góc độ kế toán tài chính	70
4.2.1. Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ.....	70
4.2.2. Hoàn thiện tổ chức hệ thống dự toán chi phí.....	72
4.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ quản trị	77
4.3.1. Xây dựng mô hình kế toán quản trị.....	77
4.3.2. Hoàn thiện quá trình thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin chi phí, giá thành sản phẩm.....	77
4.3.3. Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất.....	80
4.3.4. Hoàn thiện phân tích và xử lý thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất phục vụ cho ra quyết định và lập báo cáo bộ phận.....	84
4.4. Điều kiện cơ bản để thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty	88
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	90
KẾT LUẬN	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	17
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	18
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công có tổ chức hạch toán kế toán riêng.....	20
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công không tổ chức hạch toán kế toán riêng	21
Sơ đồ 2.5. Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công thuê ngoài máy	22
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung.....	23
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất	24
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ kế toán khoán khi công ty không có hệ thống kế toán riêng biệt	28
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ kế toán khoán khi công ty có hệ thống kế toán riêng biệt ..	29
Sơ đồ 2.10: Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất và giá thành theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	30

DANH MỤC PHỤ LỤC

STT	TÊN BIỂU	TRANG
Phụ lục 1:	Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	102
Phụ lục 2:	Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty	103
Phụ lục 3:	Trình tự kế toán máy tại Công ty	104
Phụ lục 4:	Phiếu xuất kho	105
Phụ lục 5:	Bảng chi phí vật tư công trình khách sạn Gia nguyên	106
Phụ lục 6:	Báo cáo nhập xuất tồn công trình khách sạn Gia nguyên tháng 01 năm 2017	107
Phụ lục 7:	Định mức cấp phối vật liệu xây dựng	108
Phụ lục 8:	Bảng tổng hợp chi phí công trình khách sạn Gia Nguyên	109

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Nhận thấy nhu cầu phát triển các công trình xây dựng trên địa bàn huyện Tam Điệp, huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình có xu thế tăng nhanh, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế. Các công trình được xây dựng với yêu cầu chi phí tối thiểu và chất lượng tối đa đã tạo nên một áp lực cực lớn cho việc cạnh tranh xây dựng giữa các công ty trên địa bàn. Để thành công trong đấu thầu và hiệu quả trong xây dựng công trình thì việc phân bổ chi phí và tính giá thành sản xuất là rất quan trọng; các thông tin này không chỉ dừng lại ở các con số tài chính mà còn phải kịp thời, chính xác, hiệu quả hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định đúng đắn.

Công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa là một công ty non trẻ về tuổi đời trong lĩnh vực xây lắp, các công trình xây dựng không tập trung trên một địa bàn, đặc thù của lĩnh vực xây dựng nên việc hạch toán các chi phí hoạt động khá phức tạp. Xuất phát từ những yêu cầu hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán hỗ trợ cho nhà quản trị ra quyết định nên tác giả chọn đề tài nghiên cứu **“Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa”**

1.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Để hoàn thành luận văn nghiên cứu của mình, tác giả đã nghiên cứu một số đề tài liên quan và các tài liệu như sau:

Đề tài: “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần vận tải Vạn Xuân” (2017) của tác giả Trần Thị Hoa, Trường đại học Lao động – Xã hội, Hà nội. Luận văn đã khái quát những cơ sở lý luận chung và thực trạng về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng tại công ty cổ phần vận tải Vạn xuân.

Đề tài: “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo yêu cầu quản trị công ty tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Vĩnh Phúc” (2017) của tác giả Trần Thị Bích Phượng, Trường đại học Lao động – Xã hội, Hà nội. Luận văn đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện cách phân bổ chi phí sản xuất, tính giá tại công ty.

Đề tài: “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH xây dựng Bình Minh” (2017) của tác giả Phạm Thị Tâm, Trường đại học Lao động – Xã hội, Hà nội. Luận văn đã đánh giá được các khó khăn trong việc thực hiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng. Đồng thời, tác giả của luận văn cũng đưa ra các kiến nghị hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản.

Ngoài ra, để hoàn thiện công trình nghiên cứu, tác giả cũng tham khảo các tài liệu văn bản liên quan khác như: Luật kế toán 2015, chuẩn mực kế toán và các văn bản luật liên quan đến hướng dẫn kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng, các tài liệu khác như sách báo, tạp chí, ấn phẩm trên internet, báo cáo tài chính và các chứng từ sổ sách có liên quan tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa.

Qua quá trình tìm hiểu nghiên cứu các luận văn trên có thể thấy các đề tài đều đưa ra được các nội dung cơ bản về mặt lý luận và thực tiễn hoạt động công tác kế toán tính chi phí sản xuất và tính giá thành, đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống kế toán trên.

Tuy nhiên chưa đề tài nào đưa ra được giải pháp hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành một cách hiệu quả.

1.3. Mục đích nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

a. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các công ty xây lắp.

- Nghiên cứu thực tiễn kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa.

- Trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực trạng nghiên cứu đề xuất ra các kiến nghị hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nhằm đáp ứng các yêu cầu tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng cao tính cạnh tranh.

b. Câu hỏi nghiên cứu

- Cơ sở lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại các công ty xây lắp là gì?

- Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa được thực hiện như thế nào? Có những ưu khuyết điểm gì? Nguyên nhân?

- Cần những giải pháp nào để hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa?

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

- Lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các công ty xây lắp.

- Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các công trình của công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa.

- Các giải pháp nhằm hoàn thiện chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa

b. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt nội dung: luận văn nghiên cứu những vấn đề liên quan đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói chung và tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa.

- Về mặt không gian: được thực hiện tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa và công trình xây lắp của công ty .

- Về mặt thời gian: luận văn nghiên cứu về các vấn đề trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa năm 2017.

c. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tham khảo tài liệu từ luận văn, giáo trình hay các nghiên cứu đã được công bố, tài liệu trên internet; Tổng hợp từ chứng từ, sổ sách báo cáo kế toán liên quan đến công tác kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa năm 2017.

- Phương pháp điều tra phỏng vấn: tiến hành phỏng vấn đặt câu hỏi, làm phiếu điều tra với Ban lãnh đạo, phụ trách kế toán. Thực hiện phiếu quan sát, phỏng vấn với công nhân, cán bộ trên công trường về những vấn đề giá thành, chi phí sản xuất.

Từ những thông tin thu thập được tiến hành ghi chép tổng hợp để tìm ra thực trạng và đánh giá thực trạng về vấn đề giá thành, chi phí sản xuất.

- Phương pháp thống kê, xử lý, phân tích thông tin: Sau khi thu thập các thông tin, tác giả tiến hành sắp xếp, phân tích, xử lý các dữ liệu; tác giả tiến hành lựa chọn các thông tin phù hợp để phục vụ cho đề tài nghiên cứu, từ đó đưa ra các kiến nghị phù hợp với thực tiễn của công ty đang nghiên cứu.

1.5. Kết cấu của luận văn

Kết cấu luận văn gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan về đề tài cần nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý thuyết về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong công ty xây lắp

Chương 3: Thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa

Chương 4: Các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÔNG TY XÂY LẮP

2.1. Đặc điểm tổ chức, quản lý và hoạt động xây lắp ảnh hưởng đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

a, Sản phẩm xây lắp thiếu tính ổn định, có tính lưu động cao

Các công trình xây dựng, HMCT có thể thay đổi theo yêu cầu của chủ đầu tư, có thể thay đổi với điều kiện thực tế ở công trường xây dựng phát sinh. Các phương án xây dựng phải luôn luôn biến đổi phù hợp với thời gian và địa điểm xây dựng, gây khó khăn cho việc tổ chức sản xuất, di chuyển phương tiện, máy móc thi công, làm phát sinh nhiều chi phí. Tính lưu động của sản xuất đòi hỏi tăng cường tính cơ động linh hoạt và gọn nhẹ của các phương án xây dựng, điều hành, lợi dụng tối đa các lực lượng và tiềm năng sản xuất tại chỗ.

b, Thời gian xây dựng công trình dài, chi phí sản xuất lớn

Thời gian xây dựng dài làm cho vốn xây dựng thường bị ứ đọng lâu gây những thiệt hại do ứ đọng vốn gây ra. Việc phân chia các giai đoạn thi công ở từng công trình, HMCT nhằm tạo ra khả năng sử dụng và điều phối hợp lý năng lực của đơn vị. Thanh toán từng phần khối lượng công tác xây lắp thực hiện và bàn giao đưa vào sử dụng.

Các công trình xây lắp dễ gặp phải các rủi ro ngẫu nhiên theo thời gian và thời tiết, chịu ảnh hưởng của sự biến động giá cả. Vì vậy tổ chức và quản lý sản xuất tốt, nhằm đẩy mạnh tiến độ thi công, sớm đưa công trình vào sử dụng là biện pháp quan trọng để hạn chế các tác động ngẫu nhiên xuất hiện theo thời gian như thiên tai, biến động giá cả.

c, Quá trình sản xuất mang tính xen kẽ và ảnh hưởng lẫn nhau.

Quá trình sản xuất xây lắp thường có nhiều khâu, tổ đội, phân xưởng tham gia xây lắp một công trình, HMCT. Do đó công tác tổ chức quản lý trên công trường rất phức tạp, thiếu ổn định, nhiều khó khăn khi phối hợp hoạt động của các nhóm lao động làm các công việc khác nhau. Vì vậy cần phải coi trọng công tác thiết kế tổ chức thi công, đặc biệt là phải phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia xây dựng theo thời gian và không gian.

d) Sản xuất xây lắp phần lớn chịu ảnh hưởng nhiều của điều kiện thiên nhiên, thời tiết

Đặc điểm này làm cho các công ty xây lắp khó lường hết được trước những khó khăn phát sinh do điều kiện thời tiết khí hậu, từ đó ảnh hưởng tới hiệu quả của lao động như quá trình sản xuất có thể bị gián đoạn do mưa bão hoặc có những rủi ro bất ngờ cho sản xuất. Ngoài ra sản xuất xây lắp là lao động nặng nhọc, làm việc trên cao, độ mất an toàn lao động cao.

e) Sản phẩm xây lắp thường sản xuất theo phương pháp đơn chiếc, thi công theo đơn đặt hàng, yêu cầu của chủ đầu tư.

Việc diễn hình hoá các mẫu sản phẩm xây lắp gặp nhiều khó khăn, vì cùng một loại công trình xây lắp, nhưng nếu được xây dựng ở các địa điểm khác nhau và các thời điểm khác nhau, chúng sẽ có cấu tạo và cần công nghệ chế tạo khác nhau.

Do đó công ty xây lắp phải coi trọng công tác ký hợp đồng, tìm hiểu kỹ đặc điểm và yêu cầu kỹ thuật, đặc điểm kinh tế xã hội của địa phương: để có các biện pháp kỹ thuật, quản lý hợp lý nhằm đảm bảo chất lượng, thời hạn và hiệu quả kinh tế cao.

Những đặc điểm trên có ảnh hưởng lớn tới công tác tổ chức hạch toán kế toán, làm cho phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp có những đặc điểm riêng.

2.2. Các vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Chi phí sản xuất trong các công ty kinh doanh xây lắp: Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về vật tư, tài sản cố định, nhân công, dịch vụ phát sinh,... mà công ty đã chi ra để tiến hành các hoạt động xây lắp trong một thời kì nhất định (Nguồn: Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên: PGS.TS Nghiêm Văn Lợi).

Chi phí sản xuất có rất nhiều loại, nhiều khoản khác nhau cả về nội dung, tính chất, vai trò, vị trí trong quá trình sản xuất xây lắp. Để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán cần thiết phải phân loại chi phí sản xuất.

a. Phân loại theo nội dung, tính chất kinh tế: Trong công ty xây lắp, chi phí sản xuất được chia thành năm yếu tố chi phí:

- Chi phí về nguyên vật liệu gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính (cát, sắt, thép, xi măng...), vật liệu phụ, nhiên liệu, công cụ dụng cụ... dùng cho sản xuất xây lắp trong kỳ.

- Chi phí nhân công bao gồm chi phí tiền lương, phụ cấp có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp liên quan như BHXH, BHYT, KPCĐ ..., tiền ăn ca phải trả cho người lao động.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định là toàn bộ số tiền khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động sản xuất xây lắp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài là các khoản chi mà công ty thuê, mua từ bên ngoài, thuê kiểm toán, tư vấn và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất xây lắp.

- Chi phí khác bằng tiền là các khoản chi phí ngoài các chi phí đã quy định ở trên phát sinh bằng tiền phục vụ cho hoạt động xây lắp chưa được phản ánh như: Chi tiếp tân, chi phí hội nghị, chi trả lãi vay.....

b. Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích, công dụng của chi phí:

Chi phí sản xuất được chia thành bốn khoản mục chi phí áp dụng cho các công ty áp dụng phương thức theo dõi vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

- Chi phí NVL TT gồm chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu (chính và phụ)... dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm xây lắp.

- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản trả cho công nhân sản xuất sản phẩm: tiền lương, tiền công, BHXH, BHYT, KPCĐ....

- Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm: lương chính, phụ của công nhân điều khiển, phục vụ máy thi công, chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài (sửa chữa nhỏ, điện, nước, bảo hiểm xe, máy) và các chi phí khác bằng tiền.

- Chi phí sản xuất chung gồm các khoản chi phí theo yếu tố phát sinh tại các phân xưởng sản xuất (chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, dụng cụ ở phân xưởng sản xuất, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền phát sinh tại phân xưởng).

Qua cách phân loại này giúp công ty tính được các loại giá thành sản phẩm, phân tích được nguyên nhân tăng giảm giá thành để đưa ra các giải pháp nhằm hạ giá thành sản phẩm.

c. Căn cứ vào quan hệ tính chi phí vào giá thành sản phẩm, chi phí sản xuất được chi thành 2 loại:

Chi phí trực tiếp là chi phí có liên quan trực tiếp đến việc sản xuất sản phẩm xây lắp gồm chi phí NVL TT, chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí gián tiếp là những chi phí không liên quan trực tiếp đến việc chế tạo sản phẩm, mà có quan hệ đến hoạt động sản xuất chung của doanh nghiệp, những chi phí phải phân bổ theo những tiêu chuẩn thích hợp gồm: chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

d. Phân loại chi phí theo quan hệ của chi phí với mức độ hoàn thành công việc:

- Biến phí là những chi phí thay đổi về tổng số, tỷ lệ so với khối lượng hoàn thành của công việc. Như chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp....

- Định phí là những chi phí không đổi về tổng số so với khối lượng hoàn thành của công trình như: khấu hao tài sản cố định sử dụng, chi phí thuê mặt bằng, phương tiện.....Cần tính toán và phân bổ hợp lý định phí để làm tăng hiệu quả sản xuất xây lắp, tiết kiệm chi phí xây lắp.

- Ngoài ra còn có chi phí hỗn hợp là những chi phí bao gồm cả yếu tố biến phí lẫn định phí như chi phí điện nước, điện thoại.

e. Phân loại chi phí theo khả năng kiểm soát:

- Chi phí kiểm soát được là những chi phí mà nhà quản lý xác định được sự phát sinh của chi phí, và có thẩm quyền quyết định về sự phát sinh của chi phí như chi phí khấu hao, chi phí tiếp khách.....

- Chi phí không kiểm soát được là những chi phí mà nhà quản lý không thể dự đoán được sự phát sinh của chi phí như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công.....

2.3. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

“Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định” (Nguồn: Giáo trình “Kế toán tài chính” NXB Tài chính 2007- Chủ biên: PGS.TS Nghiêm Văn Lợi).

Giá thành có hai chức năng chủ yếu là bù đắp chi phí và lập giá. Số tiền thu được từ việc tiêu thụ sản phẩm sẽ bù đắp phần chi phí đã bỏ ra để sản xuất sản phẩm đó. Tuy nhiên, sự bù đắp các yếu tố chi phí đầu vào mới chỉ là đáp ứng yêu cầu của tái sản xuất giản đơn. Trong khi đó mục đích chính của cơ chế thị trường là tái sản xuất mở rộng tức là giá tiêu thụ hàng hóa sau khi bù

đắp chi phí đầu vào vẫn phải bảo đảm có lãi. Do đó, việc quản lý, hạch toán công tác giá thành sao cho vừa hợp lý, chính xác vừa bảo đảm vạch ra phương hướng hạ thấp giá thành sản phẩm có vai trò vô cùng quan trọng.

Có rất nhiều cách phân loại giá thành sản phẩm. Tùy theo tiêu chí lựa chọn mà giá thành sản phẩm có thể được phân loại thành các trường hợp sau:

a. Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành

Theo cách phân loại này thì chi phí được chia thành giá thành dự toán, giá thành kế hoạch, giá thành định mức và giá thành thực tế.

Giá thành dự toán: là giá thành trên cơ sở thiết kế kỹ thuật đã được duyệt, các định mức kinh tế kỹ thuật được quy định, tính theo đơn giá tổng hợp và phân tích định mức, được xác định theo công thức:

Giá thành dự toán sản phẩm xây lắp	=	Giá trị dự toán sản phẩm xây lắp	-	Lãi định mức
---------------------------------------	---	-------------------------------------	---	--------------

Trong đó:

- Lãi định mức trong xây dựng cơ bản được Nhà nước quy định từng thời kỳ

- Giá trị dự toán xây lắp được xây lắp được xác định dựa vào định mức đánh giá của các cơ quan có thẩm quyền và dựa trên mặt bằng giá cả của thị trường.

Giá thành kế hoạch: là giá thành được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch.

Giá thành kế hoạch sản phẩm xây lắp	=	Giá thành dự toán sản phẩm xây lắp	-	Mức hạ giá thành dự toán	±	Chênh lệch định mức
--	---	---------------------------------------	---	-----------------------------	---	------------------------

Giá thành kế hoạch là căn cứ để so sánh, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, là mục tiêu phấn đấu hạ giá thành của doanh nghiệp.

Giá thành định mức: Cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Giá thành định mức được xây dựng trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành.

Giá thành thực tế: Giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó, điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp. Giữa ba loại giá thành nói trên có quan hệ với nhau về lượng như sau:

Giá thành dự toán \geq giá thành kế hoạch \geq giá thành thực tế

Việc so sánh này dựa trên cùng một đối tượng tính giá thành. So sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch để thấy được mức độ hoàn thành kế hoạch hạ giá thành.

b. Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí

Theo phạm vi phát sinh chi phí, chỉ tiêu giá thành được chia thành giá thành sản xuất và giá thành tiêu thụ.

Giá thành sản xuất: là chỉ tiêu phản ánh tất cả chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung trong phạm vi phân xưởng sản xuất.

Giá thành tiêu thụ: là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất xây lắp, bàn giao, bảo hành công trình, HMCT. Giá thành tiêu thụ được tính theo công thức:

Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây lắp, HMCT	=	Giá thành sản xuất xây lắp	+	Chi phí quản lý doanh nghiệp	+	Chi phí bàn giao, bảo hành
--	---	-------------------------------	---	------------------------------------	---	-------------------------------

Do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí và chi phí quản lý công ty nên cách phân loại này chỉ còn mang ý nghĩa học thuật, nghiên cứu.

2.4. Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp theo chuẩn mực kế toán và thông tư số 200/2014/TT-BTC

Theo Chuẩn mực số 01. Chuẩn mực chung. Nguyên tắc cơ sở kế toán dồn tích quy định chi phí sản xuất xây lắp được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu, chi tiền. Kế toán ghi chép chi phí theo số tiền thực sự bỏ ra ở thời điểm tài sản được ghi nhận.

Theo Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp ghi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Và việc xác định giá trị gốc công trình, HMCT bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến phát sinh để có được công trình, HMCT ở trạng thái hiện tại.

Theo Chuẩn mực kế toán số 15 (hợp đồng xây dựng) chi phí hợp đồng xây dựng gồm 3 khoản:

Chi phí liên quan đến trực tiếp từng hợp đồng như chi phí nhân công tại công trường, chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao máy móc thiết bị, TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng, chi phí thuê bao nhà xưởng, chi phí thiết kế, chi phí để sửa chữa và bảo hành công trình.

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng như chi phí bảo hiểm, chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật...

Các chi phí khác có thể thu hồi từ khách hàng như chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí khác mà khách hàng phải trả lại cho nhà thầu...

Những chi phí không liên quan đến hợp đồng xây dựng thì không được hạch toán vào. Đối với chi phí hợp đồng bao gồm chi phí liên quan đến hợp đồng trong quá trình đàm phán, ký kết được coi là một phần chi phí nếu chúng có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Theo Điều 82 Thông tư số 200/2014/TT-BTC quy định Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí cụ thể như sau:

- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

- Mỗi công ty chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ. Công ty khi đã lựa chọn phương pháp kế toán thì phải áp dụng nhất quán trong một năm tài chính. Trường hợp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, cuối kỳ kế toán phải kiểm kê để xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ.

- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế thu nhập công ty theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán.

- Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

2.5. Kế toán chi phí chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.5.1. Kế toán chi phí chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên góc độ kế toán tài chính

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn để chi phí sản xuất xây lắp được tập hợp. Xác định đối tượng tập hợp chi phí là khâu đầu

tiên trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất xây lắp, là xác định nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, công nghệ,..) hoạt động đối tượng chịu chi phí (sản phẩm, đơn đặt hàng,..). Tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể của công ty mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong công ty.

Đối tượng tính giá thành là các công trình, HMCT mà công ty đã sản xuất hoàn thành cần phải tính giá thành. Để xác định đối tượng tính giá thành hợp lý cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, chu kỳ sản xuất xây lắp, tính chất cụ thể và trình độ, yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

=> Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau ở bản chất, đều là những phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất theo đó và cùng phục vụ cho công tác quản lý, phân tích và kiểm tra chi phí, giá thành sản phẩm

Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phương pháp sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giới hạn của mỗi đối tượng kế toán chi phí. Trong các công ty xây lắp chủ yếu dùng các phương pháp tập hợp chi phí sau:

Phương pháp hạch toán chi phí theo công trình, hạng mục công trình: Hàng tháng, chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến công trình nào sẽ được tập hợp cho công trình, HMCT.

Phương pháp hạch toán chi phí theo đơn đặt hàng: Các chi phí sản xuất phát sinh sẽ được tập hợp và phân loại theo từng đơn đặt hàng, khi đơn đặt hàng hoàn thành thì tổng số chi phí phát sinh kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là chi phí của đơn đặt hàng đó.

Phương pháp hạch toán chi phí theo đơn vị thi công: Theo phương pháp này, các đơn vị thi công thực hiện công tác kế toán nội bộ, các chi phí phát sinh được thực hiện theo từng đơn vị thi công. Cuối cùng, toàn bộ chi phí phát sinh thực tế ở từng đơn vị thi công được so sánh với dự toán để xác định kết quả hạch toán kế toán nội bộ. Khi việc xây lắp hoàn thành thì phải

tính riêng giá thành cho từng công trình hay HMCT bằng phương pháp thích hợp.

2.5.1.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong trường hợp công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

a. Kế toán chi phí NVL TT

Chi phí NVL TT xây lắp bao gồm giá thực tế vật liệu chính (cát đá, xi măng, gạch, sắt thép...), vật liệu phụ (đinh, kẽm, dây,...), các bộ phận kết cấu công trình (bê tông đúc sẵn, vì kèo lắp sẵn...) sử dụng trong quá trình sản xuất xây lắp; không bao gồm chi phí máy thi công và vật liệu sử dụng cho quản lý đội công trình. Chi phí NVL TT còn bao gồm cả các chi phí cốt pha, dàn giáo, công cụ, dụng cụ được sử dụng nhiều lần. Trường hợp công ty mua nửa thành phẩm để chế tạo, lắp ráp, gia công thêm thì nửa thành phẩm mua ngoài cũng được hạch toán vào chi phí NVL TT. Nguyên tắc hạch toán:

+ Vật liệu dùng cho xây dựng HMCT nào thì tính trực tiếp cho HMCT đó trên cơ sở các chứng từ gốc có liên quan, theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá thực tế xuất kho.

+ Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số lượng vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, số vật liệu thực tế sử dụng, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng công trình.

Với chi phí NVL TT có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau thì phải áp dụng phương pháp phân bổ chi phí:

- Với chi phí nguyên vật liệu chính nửa thành phẩm mua ngoài có thể chọn tiêu thức phân bổ là chi phí định mức, chi phí kế hoạch, khối lượng sản phẩm sản xuất.

- Với chi phí nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, vật liệu có thể lựa chọn tiêu thức phân bổ là chi phí định mức, chi phí kế hoạch, chi phí thực tế của nguyên vật liệu chính, khối lượng sản phẩm sản xuất.

Trình tự phân bổ như sau:

+ Xác định hệ số phân bổ

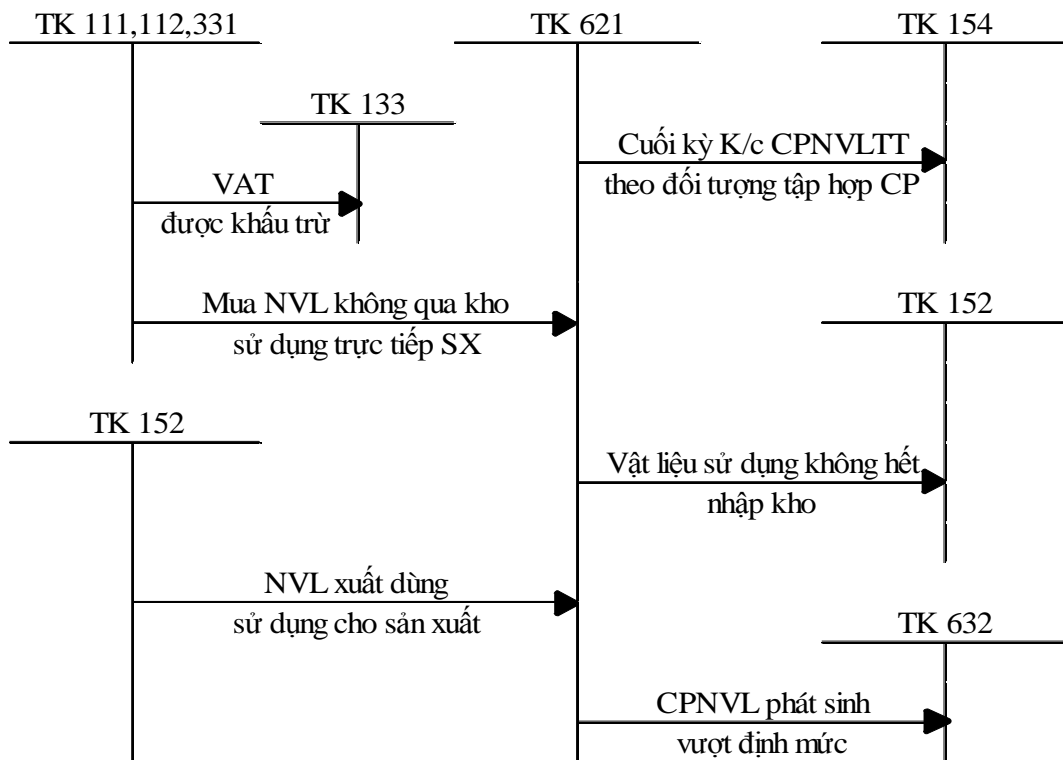
$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí nguyên vật liệu cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ}}$$

+ Tính số chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

$$\begin{matrix} \text{Chi phí nguyên vật} \\ \text{liệu phân bổ cho từng} \\ \text{đối tượng} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Tiêu thức phân} \\ \text{bổ cho từng đối} \\ \text{tượng} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Hệ số} \\ \text{phân bổ} \end{matrix}$$

Đề tập hợp và phân bổ chi phí NVL TT, kế toán sử dụng tài khoản 621-Chi phí NVL TT. Khái quát theo sơ đồ:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

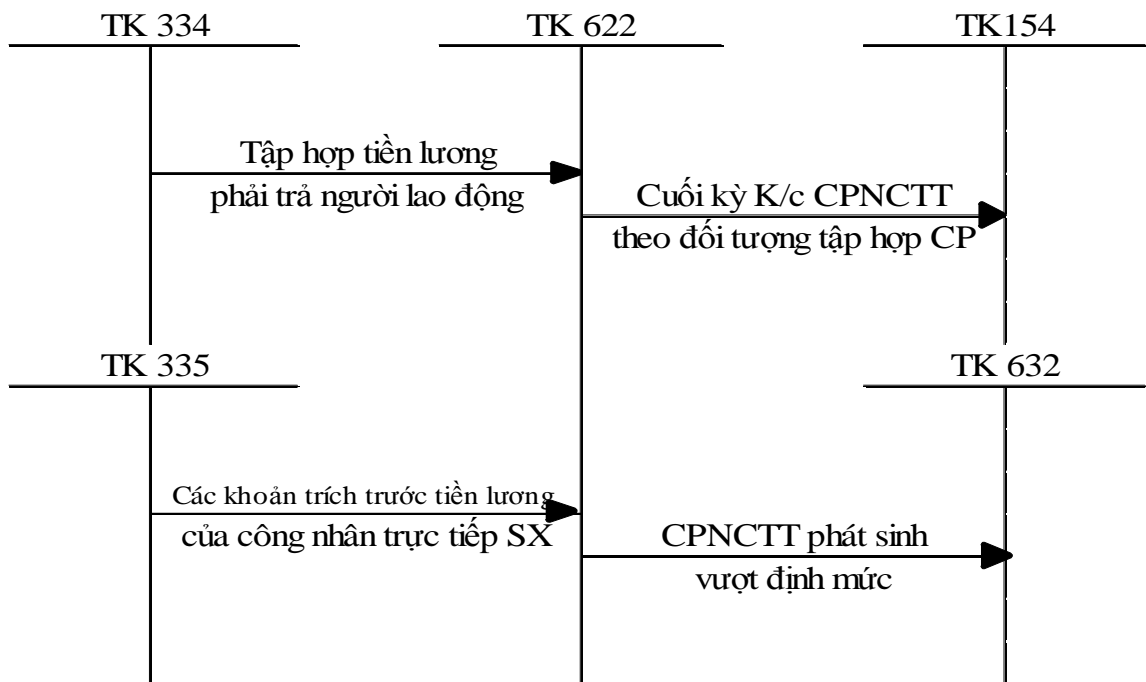


b. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp trong công ty xây lắp bao gồm tiền lương chính, các khoản phụ cấp lương, lương tăng ca có tính chất ổn định của công nhân trực tiếp sản xuất và tiền thuê lao động ngoài trực tiếp xây lắp để hoàn thành sản phẩm xây lắp theo đơn giá. Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp riêng theo từng công trình. Trường hợp không tách riêng được thì phải tiến hành phân bổ cho từng công trình theo chi phí tiền lương theo định mức hoặc kế hoạch...

Căn cứ để hạch toán là hợp đồng lao động, bảng chấm công, hợp đồng làm khoán, bảng tính lương, bảng thanh toán tiền làm thêm giờ, làm đêm... Để thực hiện ghi chép, tập hợp chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp. TK 622 cũng được mở chi tiết theo từng công trình, giai đoạn công việc.... khái quát theo sơ đồ:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ kế toán chi phí nhân công trực tiếp



c. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Máy thi công là các loại xe công trình, máy chạy được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình như: Máy trộn bê tông, cần cẩu, máy ủi, máy xúc đất đóng cọc, ô tô vận chuyển... Các loại phương tiện thi công này có thể tự trang bị hoặc thuê ngoài. Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công và được chia thành 2 loại:

+ *Chi phí thường xuyên*: là các chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công được tính thẳng vào giá thành của ca máy như tiền lương của nhân công trực tiếp điều khiển hay phục vụ xe máy thi công, chi phí nhiên vật liệu dùng cho xe máy thi công, khấu hao và sửa chữa thường xuyên xe máy thi công.

+ *Chi phí tạm thời*: là những chi phí phải phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy thi công như chi phí tháo lắp, chạy thử khi di chuyển giữa các công trình khác nhau, chi phí tháo dỡ công trình tạm thời... phục vụ cho sử dụng máy thi công. Những chi phí này có thể phân bổ dần hoặc trích trước theo kế hoạch cho nhiều kỳ.

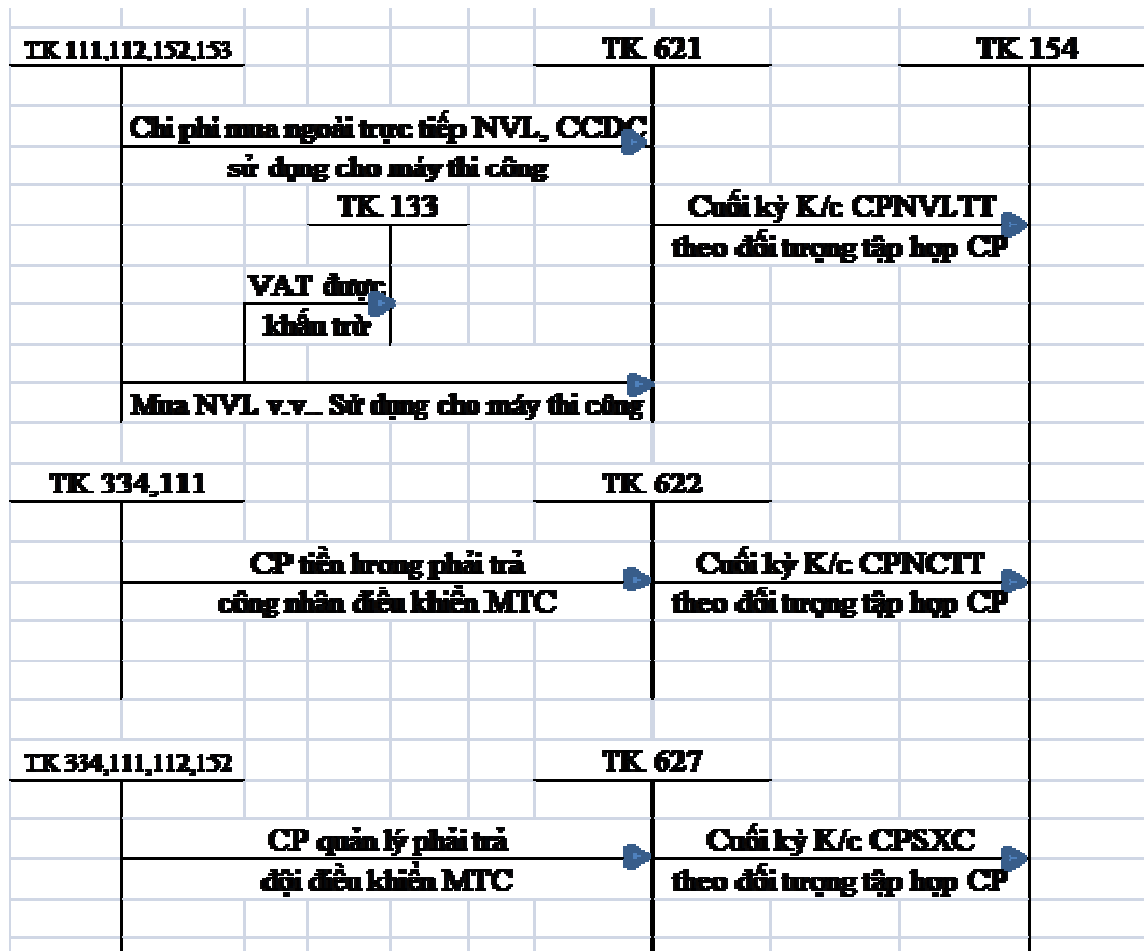
Để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản này chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với trường hợp công ty thực hiện xây lắp công trình thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán tài khoản này vào các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) của công nhân sử dụng máy thi công.

Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phải phù hợp với hình thức quản lý sử dụng máy thi công của công ty thông thường có 3 hình thức sử dụng máy thi công. Chi phí máy thi công vượt trên mức bình thường không

được ghi nhận vào chi phí sản xuất xây lắp mà được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Việc hạch toán các nghiệp vụ tập hợp chi phí máy thi công trong công ty xây lắp được khái quát theo sơ đồ sau:

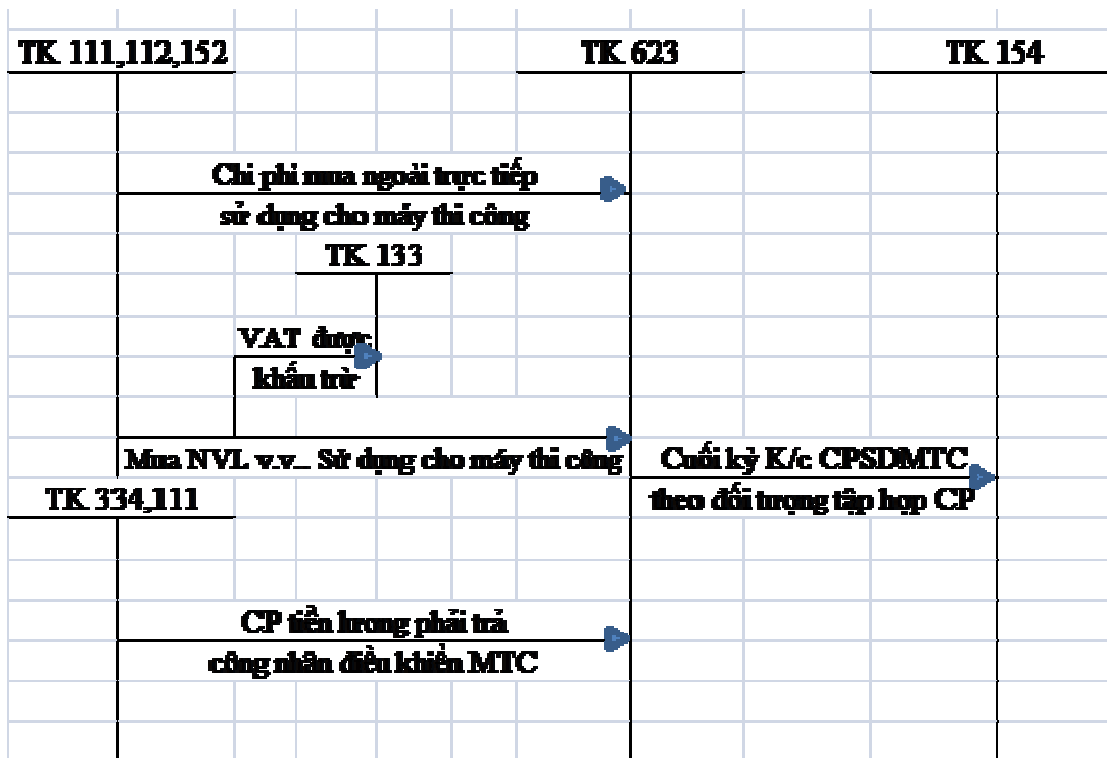
-Trường hợp công ty xây lắp có phân cấp hạch toán cho đội máy thi công tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí NVL TT, chi phí nhân công trực tiếp, CPSX chung chứ không phản ánh vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho đội xây lắp.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công có tổ chức hạch toán kế toán riêng



- Trường hợp công ty xây lắp không tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình.

Sơ đồ 2.4; Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công không tổ chức hạch toán kế toán riêng



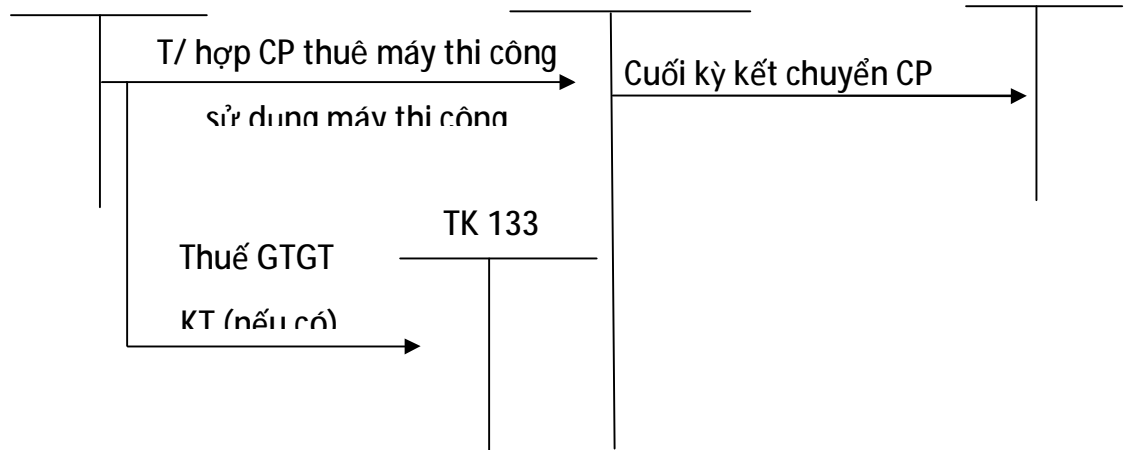
Trường hợp công ty xây lắp thuê ngoài ca máy thi công thì công ty không theo dõi chi phí phát sinh thực tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao.

Sơ đồ 2.5. Sơ đồ kế toán chi phí sử dụng máy thi công thuê ngoài máy

TK 111, 331, 336

TK 621, 622, 627

TK 154



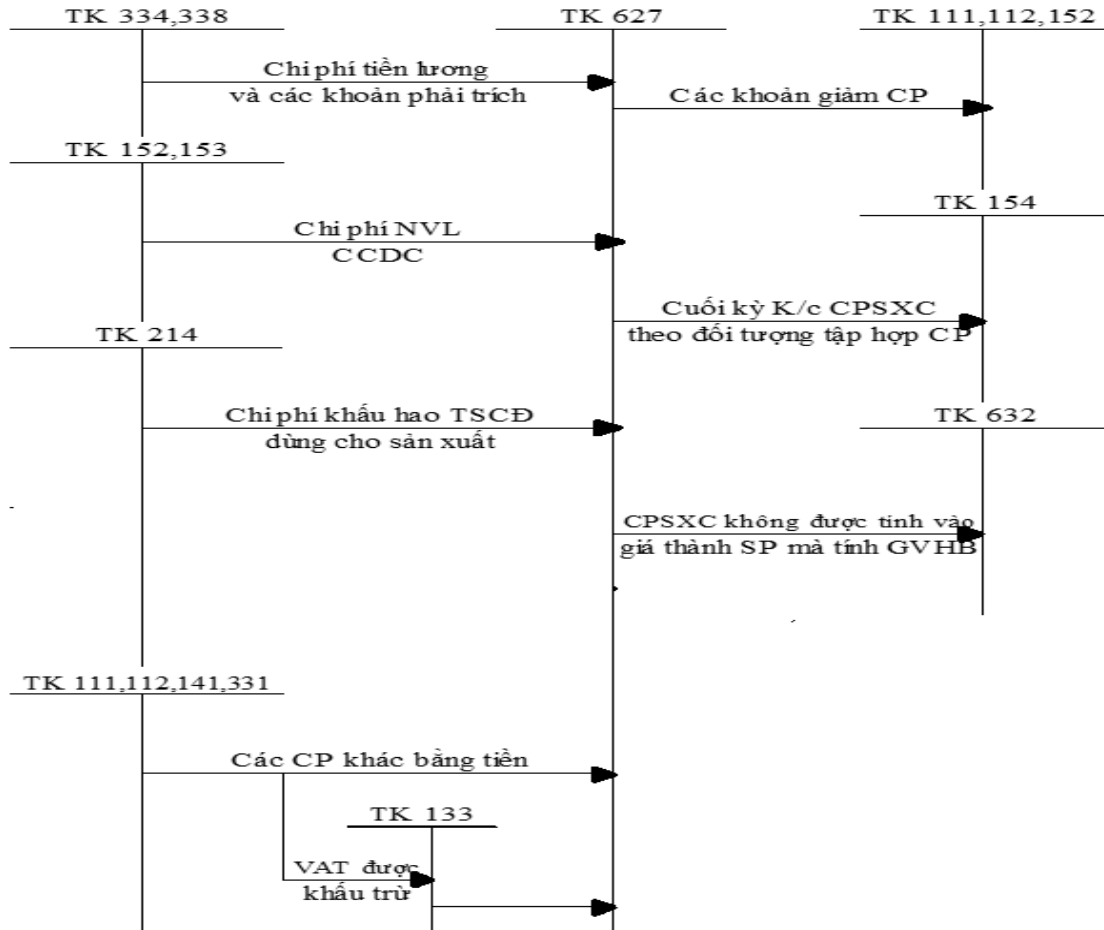
d. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức phục vụ và quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trình. Chi phí sản xuất chung là chi phí tổng hợp bao gồm nhiều khoản như: tiền lương nhân viên quản lý, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động chung.

Phải tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình đồng thời phải chi tiết theo các điều khoản qui định. Khi thực hiện khoán chi phí sản xuất chung cho các đội xây dựng thì phải quản lý tốt các chi phí đã giao khoán, từ chối không thanh toán cho các đội nhận khoán số chi phí ngoài dự toán.

Để tập hợp chi phí quản lý và phục vụ thi công, kế toán sử dụng TK 627 “Chi phí sản xuất chung”.

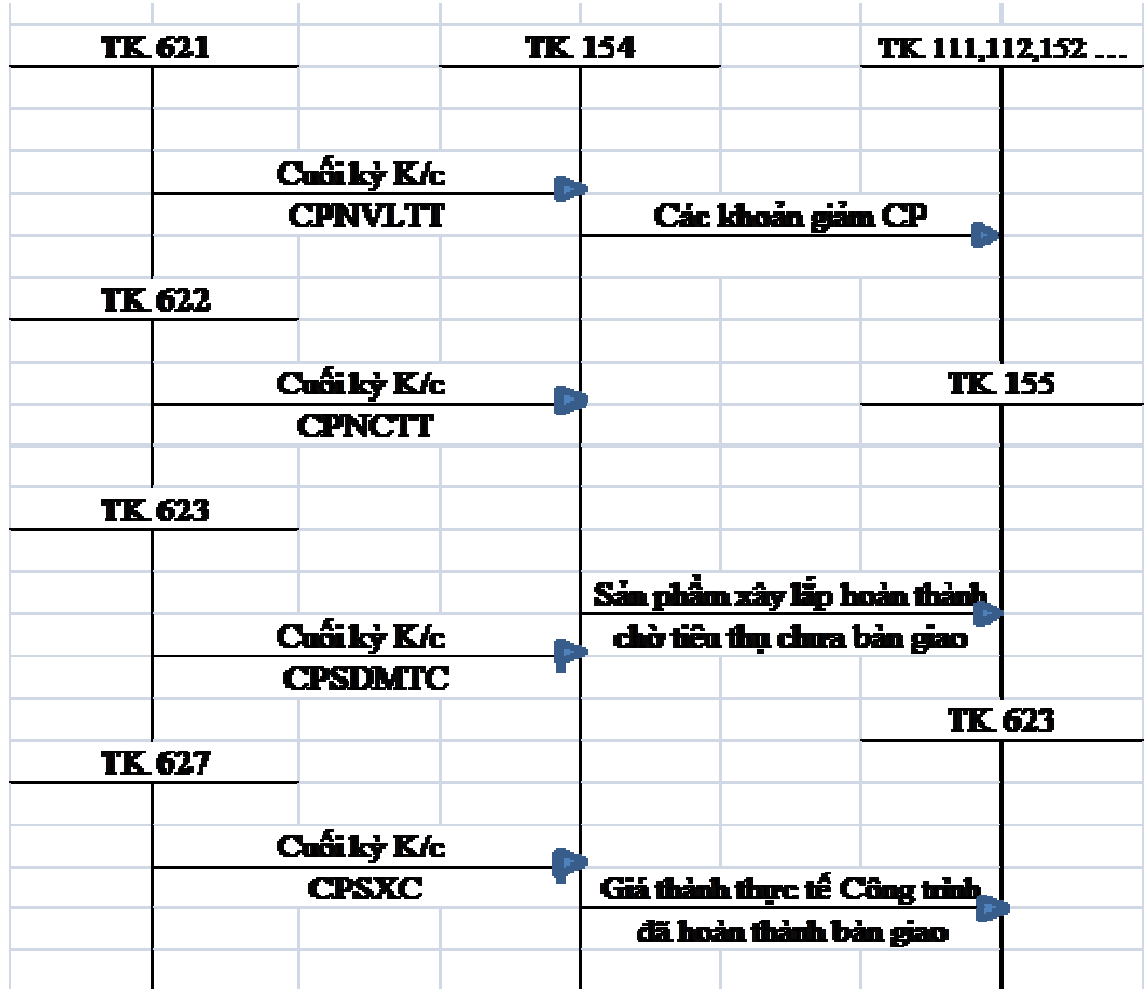
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung



đ. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất của toàn doanh nghiệp

Kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Cuối kỳ, các chi phí sản xuất tập hợp ở TK 621, TK 622, TK 627 được kết chuyển sang bên nợ TK 154 để tổng hợp chi phí sản xuất trong kỳ

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất



e. Kế toán chi phí sản xuất trong điều kiện khoán

Khoán gọn là một hình thức quản lý mới trong các công ty xây lắp ở nước ta. Nó gắn với lợi ích vật chất của người lao động với khối lượng, chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ thi công công trình, đồng thời mở rộng quyền tự chủ hạch toán kinh doanh, lựa chọn phương thức tổ chức lao động, tổ chức thi công, phát huy khả năng tiềm tàng của tổ, đội...

Những điều kiện để thực hiện khoán công việc (công trình, hạng mục công trình, công việc) trong các doanh nghiệp xây dựng:

- Xây dựng được hệ thống định mức: vận dụng định mức của nhà nước vào điều kiện thực tế của công ty và công trình,

- Qui chế thưởng phạt nội bộ

- Ổn định về mặt tổ chức, các phòng ban hướng vào phục vụ công tác khoán- Tương đối ổn định về mặt tổ chức, có khả năng tự tổ chức thực hiện thi công

- Xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các đội sản xuất và doanh nghiệp

- Có năng lực thực hiện thi công công trình

Trong xây dựng nói chung và trong lĩnh vực thi công xây lắp nói riêng do đặc điểm và tính chất công việc yêu cầu, nên định mức được xác định một cách cụ thể, chi tiết cho mỗi loại công việc, mỗi loại chi phí. Định mức trong xây lắp là mức tiêu dùng lớn nhất cho phép để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm hoặc để hoàn thành một công việc nào đó trong những điều kiện tổ chức và kỹ thuật nhất định của thời kỳ nhất định.

- * Các loại định mức sử dụng trong khoán các loại hình công việc

- + Định mức vật tư nhiên liệu trong xây dựng là mức tiêu dùng lớn nhất cho phép để sản xuất một đơn vị sản phẩm hoặc để hoàn thành một công việc nào đó trong điều kiện tổ chức, kỹ thuật, thời gian nhất định. Hiện nay trong các doanh nghiệp xây dựng nói chung và ở công ty nói riêng đều sử dụng định mức vật tư, nhiên liệu theo hệ thống định mức vật tư do Nhà nước ban hành.

- + Định mức lao động là lượng lao động hao phí lớn nhất không được phép vượt quá để hoàn thành một đơn vị sản phẩm hoặc một công việc theo qui định trong điều kiện tổ chức, kỹ thuật, tâm sinh lý, kinh tế xã hội nhất định.

+ Định mức sử dụng máy Trong xây dựng nói chung và trong thi công cơ giới và xây lắp nói riêng chủ yếu sử dụng thiết bị xe cơ giới để thực hiện. Do vậy việc xác định được định mức sử dụng máy hết sức quan trọng.

Một số hình thức khoán chủ yếu hiện nay đang sử dụng :

*** Hình thức khoán công việc**

Hình thức này áp dụng cho các công việc chưa có đơn giá định mức cụ thể, các công việc mang tính thủ công, khối lượng ít và có tính chất nhất thời chẳng hạn như công việc bốc xếp, dọn kho, dọn đường, sửa chữa đại tu xe máy và thiết bị cơ giới thi công.

Hình thức khoán này chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong công tác khoán hiện nay. Mục đích chủ yếu là giải quyết các công việc đột xuất các ách tắc phát sinh trong sản xuất nên mang tính chủ quan, thiếu độ chính xác hợp lý trong thực hiện khoán.

Với hình thức này tùy thuộc vào nhu cầu sửa chữa của từng xe sau khi có sự kiểm tra cụ thể công ty hoặc đội trưởng sẽ định mức cho mỗi loại việc một số công định mức nhất định và trên cơ sở đó sẽ khoán cho tổ, xưởng sửa chữa, cá nhân

Hiện nay có rất nhiều đơn vị chưa có hệ thống định mức mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm hoặc các loại định mức xây dựng cơ bản do Nhà nước ban hành nên khi thực hiện khoán các công việc chỉ mang tính tương đối, chưa khoa học.

*** Hình thức khoán theo sản phẩm**

Khoán theo sản phẩm là hình thức khoán công trình chủ yếu hiện nay đang được thực hiện rộng rãi. Công trình sẽ được nghiệm thu và thanh quyết toán khi nó hoàn thành, đảm bảo các yêu cầu mà các bên đã thỏa thuận. Hiện có 2 hình thức khoán theo sản phẩm

** Khoán sản phẩm cho cá nhân trực tiếp*

Hình thức khoán này thường được các công ty áp dụng cho các bộ phận có liên quan trực tiếp đến quá trình làm việc của máy, thiết bị thi công như lái xe, vận chuyển bằng thiết bị vận tải

Ví dụ: Công ty khoán cho đội xe vận tải vận chuyển máy móc thiết bị vật tư nhiên liệu phục vụ thi công công trình

Công ty giao khoán theo các chỉ tiêu

+ Khối lượng

+ Tiền lương

+ Nhiên liệu định mức phục vụ cho máy

+ Số ca làm việc

Cuối tháng sẽ thực hiện quyết toán: công nhân lái xe sẽ được hưởng thu nhập theo khối lượng thực hiện và đơn giá khoán đã giao

** Khoán theo sản phẩm tập thể*

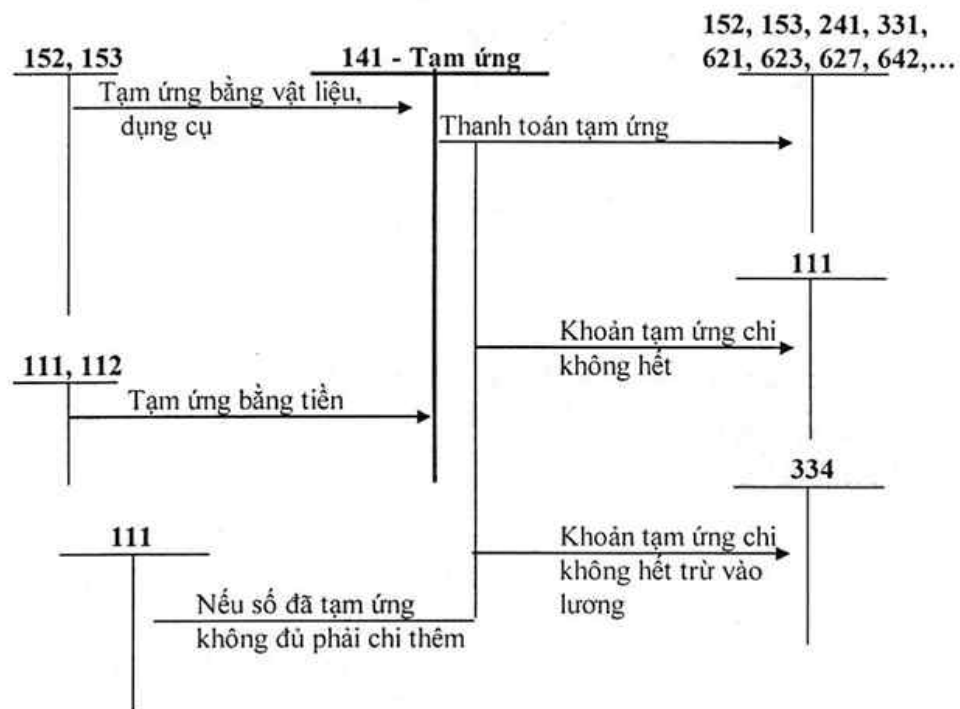
Thực tế một sản phẩm hoàn thành là kết quả của cả một tập thể tham gia thực hiện việc hoàn thành tốt công việc của một cá nhân trong tập thể nhiều khi không có ý nghĩa gì mà đòi hỏi phải có sự phối hợp của cả tập thể mới hoàn thành được. Do vậy khoán theo từng bước công việc, hay cho trực tiếp từng cá nhân sẽ gây khó khăn cho việc hoàn thành các công đoạn theo đúng tiến độ và sự nối tiếp của các công đoạn không được đảm bảo vì vậy hiện nay đối với các công trình, hạng mục công trình người ta khoán theo sản phẩm và nghiệm thu đánh giá khi sản phẩm công trình đã hoàn thành

Trong các công ty áp dụng phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp được tiến hành như sau:

*** Kế toán tại đơn vị giao khoán trường hợp đơn vị nhận khoán nội bộ không tổ chức bộ máy kế toán riêng**

Đơn vị giao khoán sử dụng TK141- được mở chi tiết cho từng đơn vị nhận khoán để phản ánh quan hệ nội bộ với đơn vị nhận khoán, mở sổ theo dõi khối lượng xây lắp giao khoán theo từng công trình, HMCT. Khi thanh lý, căn cứ vào quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp đã hoàn thành bàn giao, kế toán phản ánh số chi phí thực tế.

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ kế toán khoán khi công ty không có hệ thống kế toán riêng biệt



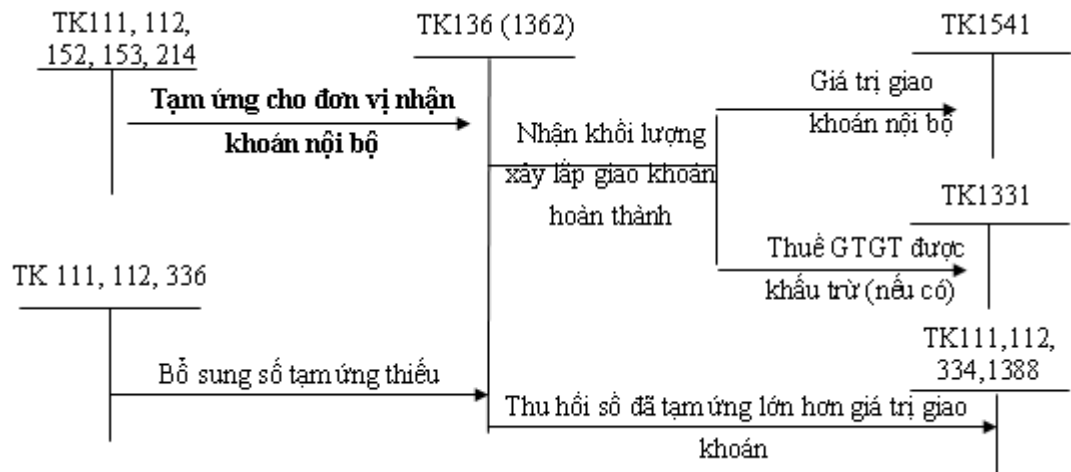
*** Kế toán tại đơn vị giao khoán trường hợp đơn vị nhận khoán nội bộ có tổ chức bộ máy kế toán riêng.**

TK136 để phản ánh toàn bộ giá trị mà đơn vị ứng về vật tư, tiền, khấu hao tài sản cố định... cho các đơn vị nhận khoán nội bộ. Đồng thời tài khoản này cũng sử dụng để phản ánh giá trị xây lắp hoàn thành nhận bàn giao từ các đơn vị nhận khoán nội bộ có phân cấp quản lý riêng. Tài khoản này chỉ sử dụng ở đơn vị giao khoán.

Khi nhận khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ do đơn vị nhận khoán

bàn giao, căn cứ vào giá trị khối lượng xây lắp khoán nội bộ, kế toán đơn vị giao khoán.

Sơ đồ 2.9: Sơ đồ kế toán khoán khi công ty có hệ thống kế toán riêng biệt



Kế toán tại đơn vị nhận khoán:

Đơn vị nhận khoán nội bộ nếu không tổ chức bộ máy kế toán riêng và không được phân cấp quản lý tài chính thì cần phải mở sổ theo dõi khối lượng xây lắp nhận khoán cả về giá trị nhận khoán và chi phí thực tế theo từng khoản mục. Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng và được phân cấp quản lý tài chính thì sử dụng TK336 để phản ánh tình hình nhận tạm ứng và quyết toán nhận khoán nội bộ với đơn vị giao khoán.

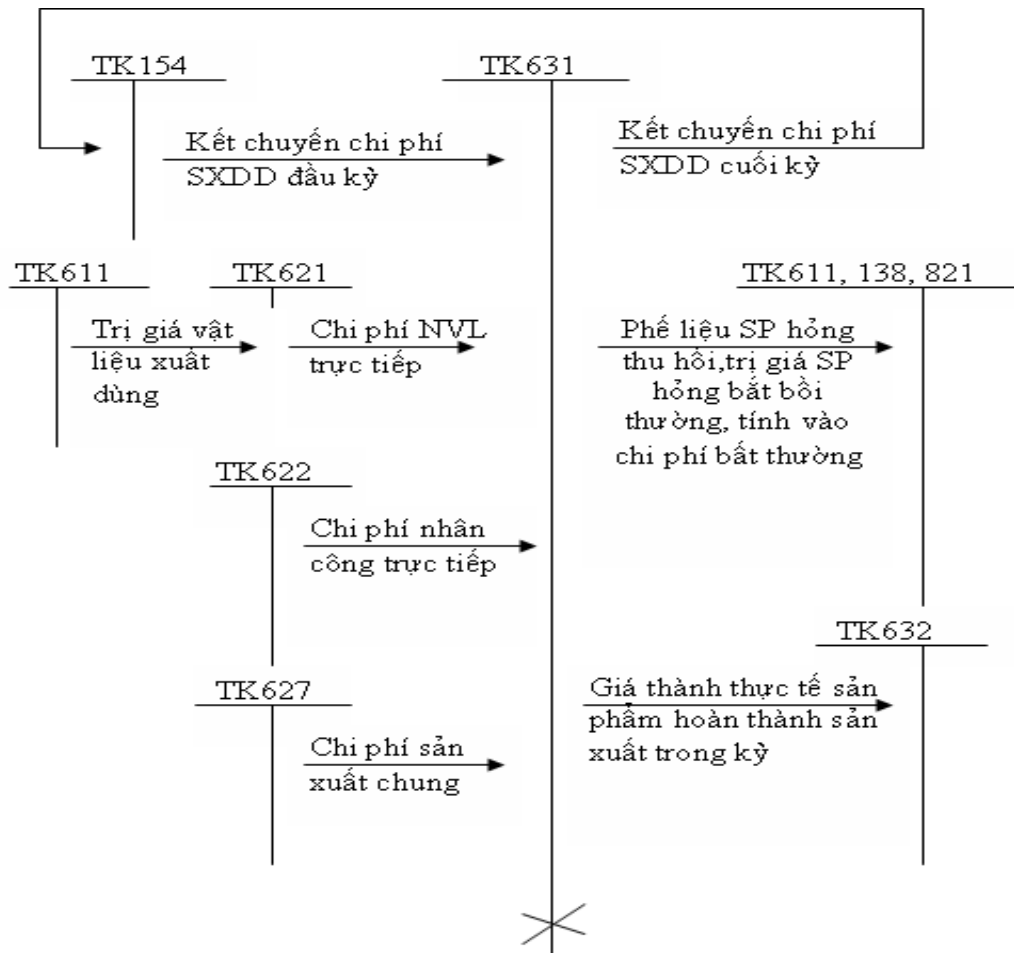
2.5.1.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong trường hợp công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Khác với các công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, trong các công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho không được ghi sổ liên tục. Công ty phải kiểm kê lại tất cả các loại nguyên vật liệu, thành phẩm trong kho tại các phân xưởng sản xuất cùng với bộ phận đánh giá sản phẩm dở dang để xác định chi phí của sản phẩm hoàn thành.

Cũng tương tự phương pháp kê khai thường xuyên, chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản: TK 621, TK 622, TK 627

Tuy nhiên, do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tài khoản 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên tài khoản 631- Giá thành sản xuất.

Sơ đồ 2.10: Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất và giá thành theo phương pháp kiểm kê định kỳ



2.5.2. Kế toán chi phí chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trên góc độ kế toán quản lý, quản trị

a, Phân loại chi phí sản xuất trên góc độ quản trị

Chi phí NVL TT: bao gồm toàn bộ chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp trong từng quá trình sản xuất. Chi phí NVL TT chiếm tỷ lệ lớn trong tổng giá thành sản phẩm xây lắp, dễ nhận diện, định lượng chính xác, kịp thời khi phát sinh.

Trong quản lý, chi phí NVL TT thường được định mức theo từng công trình và có thể nhận diện trên hồ sơ kỹ thuật sản xuất, định mức vật tư trực tiếp. Chi phí vật tư trực tiếp được tập hợp trực tiếp theo từng loại căn cứ vào chứng từ kế toán và thay đổi tỷ lệ với số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ. Do đó, xem xét trong mối quan hệ với sản lượng sản phẩm sản xuất, chi phí NVL TT cũng thể hiện đầy đủ các đặc điểm của biến phí.

Đối với một số nguyên vật liệu gián tiếp thường khó xác định. Vì vậy chúng được tập hợp chung, đến cuối kỳ kế toán tiến hành phân bổ cho các sản phẩm theo các tiêu thức phù hợp.

Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương tính vào chi phí sản xuất như BHXH, BHYT, KPCĐ...của công nhân trực tiếp tại từng công trình. Về mặt hạch toán, chi phí nhân công trực tiếp cũng giống như chi phí NVL TT, có thể căn cứ vào chứng từ để tập hợp trực tiếp theo từng công trình. Chi phí nhân công trực tiếp cũng tăng giảm tỷ lệ với số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ. Do đó, xét trong mối quan hệ với sản lượng sản phẩm sản xuất, chi phí nhân công trực tiếp cũng thể hiện đầy đủ các đặc điểm của biến phí.

Chi phí sản xuất chung: bao gồm tất cả các chi phí sản xuất cần thiết khác phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất ngoài hai mục chi phí NVL TT và chi phí nhân công trực tiếp. Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên phân xưởng
- Chi phí nguyên vật liệu dùng cho quản lý phân xưởng
- Chi phí công cụ dụng cụ dùng trong sản xuất

- Chi phí khấu hao máy móc thiết bị, tài sản cố định khác dùng trong hoạt động sản xuất

- Chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ sản xuất như: điện, nước, sửa chữa, bảo hiểm tài sản tại xưởng sản xuất

Chi phí sản xuất chung thường bao gồm cả biến phí và định phí. Ngày nay, việc phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm, dịch vụ có ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm và các quyết định liên quan đến chi phí, giá bán.

b, Cung cấp thông tin kế toán quản trị để ra quyết định và báo cáo kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp

Các báo cáo nội bộ liên quan đến kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm bao gồm các loại báo cáo tình hình tiến độ thi công, báo cáo tình hình cung ứng vật tư, báo cáo tình hình thanh toán tạm ứng. Tuy nhiên những thông tin trên mới chỉ phục vụ cho việc theo dõi tiến độ thi công của công trình. Công ty vẫn chưa lập báo cáo phục vụ cho công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành. Do vậy, không có số liệu so sánh đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, tiết kiệm chi phí trong công ty.

Lãnh đạo công ty thường phải đứng trước nhiều sự lựa chọn và đòi hỏi phải có thông tin để xem xét, cân nhắc các phương án, từ đó ra quyết định đúng đắn và hiệu quả nhất. Vì vậy, việc kiểm soát và phân tích thông tin về các yếu tố chi phí đóng vai trò quan trọng để cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc đưa ra quyết định.

Kế toán chưa quan tâm nghiên cứu và phân loại chi phí phục vụ trực tiếp cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, thông tin kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm chưa phát huy được tác dụng trong việc giúp lãnh đạo công ty lựa chọn các phương án sản xuất kinh doanh tối ưu.

Dự toán chi phí sản xuất kinh doanh là cơ sở để thực hiện các phương

pháp xác định giá phí sản xuất sản phẩm và đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ mục đích quản trị công ty. Nhưng việc lập dự toán tại Công ty mới chỉ phục vụ cho đấu thầu các công trình là chính do vậy dự toán sản xuất được lập còn hạn chế về mặt cung cấp thông tin giúp lãnh đạo công ty quản lý và kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh.

c, Tổ chức lập dự toán chi phí

Khi xây dựng dự toán chi phí định mức chi phí sản xuất phải tuân theo nguyên tắc chung là tìm hiểu, xem xét khách quan toàn bộ tình hình thực tế thực hiện chi phí sản xuất kinh doanh đối với mỗi đơn vị sản phẩm của kỳ trước, đánh giá chất lượng sản phẩm và các vấn đề liên quan đến năng suất và hiệu quả lao động của doanh nghiệp. Sau đó kết hợp với thay đổi về thị trường như quan hệ cung cầu, nhu cầu đòi hỏi của thị trường, thay đổi về điều kiện kinh tế kỹ thuật bổ sung định mức chi phí cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện mới.

Ở nước ta, Các công ty chủ yếu dựa vào định mức kinh tế kỹ thuật của ngành đã được xây dựng và nhà nước phê duyệt làm định mức chi phí cho doanh nghiệp. Muốn sản xuất có hiệu quả các nhà quản trị phải nghiên cứu và xây dựng định mức thực tế phù hợp với điều kiện thực tế của công ty trên cơ sở định mức chung của ngành. Hơn nữa định mức kinh tế kỹ thuật của ngành được xây dựng có thể chưa bao quát được điều kiện, đặc điểm, kỹ thuật cụ thể của doanh nghiệp. Do đó, để công ty có thể dự toán sản xuất kinh doanh hợp lý, sát với điều kiện cụ thể thì cần phải xây dựng định mức chi phí riêng của doanh nghiệp.

* Phương pháp xây dựng định mức chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là lượng nguyên vật liệu cần thiết cho thi công, bao gồm giá mua + chi phí thu mua - các khoản giảm giá, chiết khấu.

Định mức chi phí NVL	=	Định mức về lượng NVL	x	Giá NVL dự kiến
----------------------	---	-----------------------	---	-----------------

- Chi phí nhân công trực tiếp là số công thợ cần thiết cho thi công

Định mức chi phí NCTT	=	Định mức về lượng NCTT	X	Giá một công thợ dự kiến
-----------------------	---	------------------------	---	--------------------------

- Chi phí máy thi công

Định mức chi phí máy thi công	=	Định mức ca máy	x	Đơn giá ca máy dự kiến
-------------------------------	---	-----------------	---	------------------------

- Chi phí sản xuất chung: Trong XDCCB chi phí sản xuất chung được xác định dựa vào tỷ lệ % (5-6% của chi phí trực tiếp) tùy thuộc vào từng công trình. Để lập được chi phí chung của công ty phải căn cứ vào các khoản chi thực tế trong kỳ trước của công ty như: chi phí lương, chi phí cho bộ phận điều hành dự án, điều hành công ty, các khoản chi khác chiếm bao nhiêu phần trăm trong XDCCB trên sản lượng thực hiện để có định mức chi phí chung cho phù hợp.

** Hệ thống dự toán chi phí sản xuất*

Dự toán là công cụ để lập kế hoạch và kiểm tra được sử dụng rất rộng rãi trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Dự toán là công cụ của nhà quản lý, chính vì thế đòi hỏi họ phải biết thích ứng dự toán với từng nhu cầu riêng rẽ và với hoàn cảnh cụ thể của từng doanh nghiệp. Vì vậy dự toán có rất nhiều loại khác nhau. Chẳng hạn, người ta có thể triển khai thực hiện kế hoạch theo loại nghiệp vụ, theo các loại nguồn lực khác nhau, theo hoạt động, theo trách nhiệm, theo quá trình...

** Dự toán sản xuất:*

Sản xuất phải đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ, đồng thời phải đảm bảo mức tồn kho sản phẩm tối thiểu cần thiết đảm bảo cho quá trình tiêu thụ liên tục. Mức tồn kho sản phẩm cuối kỳ tùy thuộc chủ yếu vào chu kỳ sản xuất sản phẩm. Chu kỳ sản phẩm càng dài thì mức tồn kho sản phẩm càng lớn và ngược lại.

** Dự toán NVL TT*

Được lập căn cứ vào nhu cầu sản xuất trong kỳ với lượng và giá định mức của từng loại nguyên vật liệu, cùng với tình hình tồn kho nguyên liệu để xác định chi phí nguyên vật liệu trong kỳ cần dự toán.

- Xác định lượng nguyên vật liệu cần sử dụng trong kỳ:

Nhu cầu NVL	=	Nhu cầu sản xuất sản phẩm	x	Định mức lượng nguyên liệu/sản phẩm
-------------	---	---------------------------	---	-------------------------------------

- Xác định dự toán chi phí mua nguyên vật liệu trong kỳ:

Tổng CP mua NVL trong kỳ	=	Nhu cầu nguyên liệu sử dụng	+	NVL dự kiến tồn cuối kỳ	-	NVL tồn kho đầu kỳ	x	Đơn giá
--------------------------	---	-----------------------------	---	-------------------------	---	--------------------	---	---------

Đối với công ty sản xuất nhiều loại sản phẩm thì phải dự toán chi phí nguyên vật liệu cho từng sản phẩm.

** Dự toán chi phí lao động trực tiếp*

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất trong kỳ để lập

CP dự toán lao động trực tiếp	=	Nhu cầu lượng sản phẩm cần sản xuất trong kỳ	+	Định mức thời gian lao động trực tiếp bình quân cho 1 sản phẩm	x	Định mức giá bình quân của 1 giờ lao động trực tiếp
-------------------------------------	---	---	---	--	---	--

** Dự toán chi phí sản xuất chung*

Dự toán chi phí sản xuất chung theo biến phí được lập tỷ lệ với tiêu thức phù hợp được chọn tùy theo mối quan hệ biến động của chi phí, có thể theo giờ công lao động trực tiếp.

Dự toán chi phí sản xuất chung theo biến phí	=	Dự kiến chi phí sản xuất chung trong 1 giờ công	x	Số giờ công lao động trực tiếp
--	---	---	---	-----------------------------------

Chi phí sản xuất chung theo định phí được tính đều theo thời gian căn cứ vào tỷ lệ của chi phí sản xuất chung theo định phí trong tổng số chi phí sản xuất chung qua sự tổng kết kinh nghiệm thực tế.

d, Phân tích chênh lệch chi phí

Chi phí phát sinh thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với định mức ban đầu, điều này tạo nên sự biến động chi phí so với định mức. Biến động có thể là bất lợi khi chi phí thực tế cao hơn chi phí định mức hoặc có lợi khi chi phí thực tế thấp hơn chi phí định mức.

Mọi sự biến động của các khoản mục chi phí đầu vào được tác động bởi nhiều nhân tố ảnh hưởng khác nhau, trong đó có hai nhân tố chi phối phần lớn sự biến động đó là nhân tố lượng và nhân tố giá. Các nhà quản lý phải tập trung xây dựng lượng định mức và giá định mức cho mỗi khoản

chi phí đầu vào nhằm làm cơ sở để tính sự biến động của các khoản mục chi phí khi so sánh số thực tế phát sinh so với định mức. Phân tích sự chênh lệch giữa thực tế và định mức nhằm phát hiện và tìm nguyên nhân làm phát sinh chênh lệch.

* *Chi phí NVL TT:*

Chênh lệch giá gồm: Chênh lệch giá NVL, giá nhân công và chi phí sản xuất chung biến đổi.

Chênh lệch số lượng gồm: Chênh lệch số lượng NVL, hiệu quả lao động và hiệu quả CPSX chung

Chênh lệch về giá	=	SL thực tế	x	(Giá thực tế - Giá tiêu chuẩn)
-------------------	---	------------	---	--------------------------------

Chênh lệch về lượng	=	Giá tiêu chuẩn	x	(SL thực tế - SL tiêu chuẩn)
---------------------	---	----------------	---	------------------------------

Nếu chênh lệch dương (thực hiện lớn hơn dự toán) khi đó các nguyên nhân có thể xảy ra là hao hụt trong thi công, sử dụng nguyên vật liệu lãng phí, do thi công sai phạm, hoặc chưa có biện pháp tiết kiệm chi phí làm lại hoặc công tác lập dự toán chưa sát với thực tế... Nếu chênh lệch âm (thực hiện nhỏ hơn dự toán) điều này nói lên công tác tổ chức thi công tốt, sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm, hiệu quả.

Về giá cả: chênh lệch dương hoặc âm điều này nói lên ảnh hưởng của giá cả thị trường của nguyên vật liệu.

Chênh lệch về giá trị thành tiền, đó là sự kết hợp giữa biến động giá cả và lượng tạo nên. Công tác lập bảng phân tích chênh lệch sẽ được thực hiện thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những chênh lệch xấu, từ đó giúp kiểm soát ngăn ngừa việc sử dụng nguyên vật liệu không hiệu quả.

** Chi phí nhân công trực tiếp:*

Về lượng: nếu số giờ công thực tế cao hơn so với dự toán có thể do một số nguyên nhân như: công tác thi công không hiệu quả làm hao phí sức lao động, dự toán không sát với thực tế... Nếu số giờ công thực tế thấp hơn dự toán (chênh lệch âm) có thể do tổ chức thi công hiệu quả, đội ngũ nhân viên làm việc với năng xuất cao...

Về giá: chênh lệch tăng hay giảm của thực tế so với dự toán đều do hệ số lương theo quy định nhà nước hoặc của công ty gây ra.

Do ảnh hưởng của hai nhân tố lượng và giá sẽ gây ra chênh lệch về giá trị thành tiền của chi phí nhân công trực tiếp. Tuy nhiên cần lập bảng phân tích hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm để có thể kịp thời đánh giá chênh lệch và đưa ra hướng giải quyết.

** Chi phí máy thi công:*

Về lượng: nguyên nhân chênh lệch thực hiện cao hơn so với dự toán là do công tác thi công không tốt, thi công sai nên phải làm lại, công tác dự toán không sát với thực tế... Nếu chênh lệch thực hiện nhỏ hơn so với dự toán là do công tác thi công đạt hiệu quả, năng suất của máy thi công đạt hiệu quả cao...

Về giá: nguyên nhân có thể do giá nhiên liệu tăng...

Chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị thành tiền của chi phí máy thi công là do ảnh hưởng của hai yếu tố lượng và giá kết hợp. Để phát hiện ra chênh lệch sớm và kịp thời điều chỉnh những chênh lệch bất lợi, cần theo dõi và lập bảng thường xuyên.

** Chi phí sản xuất chung:*

Đối với chi phí sản xuất chung cũng lập bảng phân tích tương tự như những chi phí trên và cũng được lập thường xuyên để xử lý chênh lệch kịp thời. Ngoài việc tính toán các chênh lệch về giá trị, cần thiết tính ra số phần trăm chênh lệch để có thể thấy được mức độ ảnh hưởng của những chênh lệch đó.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn dành phần lớn nội dung nghiên cứu bản chất của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói chung, những đặc thù của ngành sản xuất xây lắp nói riêng như: các khái niệm, nội dung chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, đồng thời nâng cao nhận thức rõ hơn về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cũng như tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các công ty xây lắp. Luận văn cũng phân loại khái quát các loại chi phí và các phương pháp tính giá thành sản phẩm, đồng thời cũng trích dẫn về đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Đây là những tiền đề lý luận đầu tiên và cơ sở cho việc nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như định hướng cho các giải pháp hoàn thiện Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa ở các chương sau của luận văn.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HIẾU NGHĨA

3.1. Khái quát chung về Công Ty TNHH đầu tư Và thương mại Hiếu Nghĩa

3.1.1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển

Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Hiếu Nghĩa được Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp giấy phép hoạt động sản xuất kinh doanh lần đầu vào tháng 2/2015 đến nay công ty đã hoạt động được 3 năm, với đội ngũ nhân viên ban đầu chỉ 10 người, đến nay số lượng công nhân viên của công ty hơn 50 người với doanh thu mỗi năm đạt khoảng 5 tỷ đồng.

Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Hiếu Nghĩa với đội ngũ lãnh đạo trẻ, đội ngũ cán bộ gồm các thạc sỹ, các kỹ sư kinh nghiệm cùng với các kỹ sư trẻ sẽ không ngừng đổi mới.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp, kỹ thuật; Xây dựng công trình giao thông; San lấp mặt bằng ; Cho thuê máy móc thiết bị; Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Xây dựng công trình cầu đường, thủy lợi; Xây lắp điện nước, kinh doanh bất động sản

- Giám đốc công ty: Bùi Anh Hùng

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phong Lai 1, Xã Đồng Phong, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình

-Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ tiền mặt.

3.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy tổ chức được tổ chức theo phụ lục 01. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Giám đốc: là người đứng đầu đại diện theo pháp luật của công ty, là người quản lý, điều hành mọi hoạt động của công ty. Giám đốc có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, bảo vệ quyền lợi cho cán bộ công nhân viên, phụ trách chung về vấn đề tài chính, đối nội, đối ngoại.

Phó giám đốc: là người quản lý các công việc tại công ty, thay thế giám đốc điều hành mọi công việc khi giám đốc đi vắng. Tuy nhiên chịu trách nhiệm trước giám đốc về nhiệm vụ được giao. Như vậy, người trực tiếp lãnh đạo điều hành công ty là giám đốc, dưới giám đốc là phó giám đốc, dưới nữa là các phòng ban. Mỗi phòng ban có nhiệm vụ cụ thể.

Phòng kế hoạch tài chính Tham mưu cho Giám đốc về tiếp cận và khai thác thị trường, xây dựng và lập dự toán, kế hoạch sản xuất. Có chức năng quản lý toàn bộ hoạt động tài chính, kế toán của công ty, tham mưu cho Giám đốc trong việc tổ chức sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, quản lý tài sản của công ty, tránh mất mát và sử dụng kém hiệu quả, đồng thời tiếp nhận, xử lý và cung cấp một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin kinh tế tài chính, từ đó giúp Giám đốc đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời nâng cao hiệu quả kinh doanh toàn công ty.

Phòng vật tư: Có trách nhiệm thu mua vật tư theo đúng số lượng, quy cách, tính toán lượng vật tư cần dự trữ hợp lý đảm bảo hoạt động xây lắp được diễn ra liên tục mà không bị ứ đọng quá nhiều để giảm chi phí lưu kho.

Phòng hành chính tổng hợp: Chăm lo đời sống, công tác tư tưởng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng

lao động phù hợp với yêu cầu công việc. Hướng dẫn các công nhân viên của công ty chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy của công ty.

Phòng kỹ thuật: Tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật, chất lượng an toàn lao động, máy móc công trình và kiểm tra chất lượng công trình.

Đội thi công, đội cơ giới: Trực tiếp thi công các HMCT theo đúng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ của công trình. Mỗi đội đều có một đội trưởng và một đội phó được phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng công trình, HMCT.

3.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ sản phẩm

Công ty tiến hành tổ chức thi công theo hình thức khoán gọn. Khi trúng thầu công trình, Ban giám đốc Công ty sẽ bàn giao lại cho các tổ đội tiếp quản. Các tổ đội dựa trên bản thiết kế và yêu cầu của bên A (bên thầu) để tiến hành hiện khai, lập dự toán thi công để trình lên Ban giám đốc. Sau khi được duyệt, các tổ đội thực hiện thi công công trình.

Trong quá trình thi công, đội trưởng các đội có quyền thuê lao động ngoài và mua NVL cung ứng cho công trình nhưng đều phải báo cáo và chịu sự giám sát của Ban giám đốc. Hàng tháng quý, Công ty sẽ xuống kiểm tra tiến độ và chất lượng thực hiện công trình của các đội để có những chỉ đạo kịp thời về việc tập hợp và kiểm soát chi phí. Khi công trình hoàn thành, các đội trưởng sẽ bàn giao về Công ty để tiến hành nghiệm thu và quyết toán đối với chủ đầu tư.

Mặc dù thực hiện thi công theo hình thức khoán gọn nhưng ở các đội không hạch toán riêng mà tất cả chứng từ, tài liệu cuối tháng đều được tổng hợp và chuyển về Phòng Kế toán để xử lý và tiện cho việc quản lý. Với hình thức này, không những tạo điều kiện cho các đội có quyền tự chủ trong thi công làm tăng năng suất và hiệu quả hoạt động mà Công ty vẫn đảm bảo được tốt chất lượng công trình thông qua việc kiểm tra giám sát thường xuyên.

3.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và vận dụng chế độ kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán công ty. Các đội, đơn vị thi công trực thuộc công ty không tổ chức bộ phận kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên thống kê, kế toán làm nhiệm vụ hướng dẫn hạch toán ban đầu, thu thập, phân loại, kiểm tra các chứng từ ban đầu, sau đó lập bảng kế toán chuyển chứng từ ban đầu về phòng kế toán - tài chính, tại đây việc ghi chép kế toán được tiến hành.

Kế toán trưởng: là người tổng hợp, phân tích thông tin kịp thời, chính xác nhằm giúp cho lãnh đạo đưa ra các quyết định đúng đắn. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tính chính xác của số liệu kế toán và quy trình vận hành của bộ máy kế toán.

Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu kế toán, quản lý TSCĐ tính khấu hao chung cả toàn công ty, tổng hợp số liệu lên báo cáo chuyển cho kế toán trưởng trước khi trình Giám đốc hàng tháng, hàng quý, chẵn chẵn, đôn đốc công việc của các vị trí kế toán.

Kế toán giá thành: Tập hợp tất cả chi phí có liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình.

Thủ quỹ: Lưu trữ tiền mặt và chỉ thu chi khi có đầy đủ chứng từ gốc, kiểm kê tiền mặt thường xuyên.

Kế toán nguyên vật liệu và công nợ phải trả: Làm kế toán kho, theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn, theo công nợ của từng khách hàng (nhà cung cấp), định kỳ đối chiếu với người bán về nguyên vật nhập.

Kế toán thuế: Theo dõi các khoản phải thu, phải trả Ngân sách nhà nước, thuế.

Kế toán tiền lương: Chịu trách nhiệm thanh toán tiền lương và các

khoản trích theo lương, thưởng cho toàn bộ công nhân viên trong công ty.

Kế toán đội: Kế toán đội dưới sự điều hành của kế toán trưởng, làm nhiệm vụ tập hợp chứng từ và vào các sổ chi tiết.

3.1.5. Đặc điểm vận dụng chế độ kế toán, chính sách kế toán áp dụng

Kế toán Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngoài ra, Công ty cũng tuân thủ quy định của các chuẩn mực kế toán và thông tư hướng dẫn chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành. BCTC được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực kế toán.

Kỳ kế toán áp dụng theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán: đồng Việt Nam (VND). Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Nguyên tắc ghi nhận giá trị HTK: ghi nhận theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện; kế toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá HTK: được lập vào cuối kỳ kế toán (cuối năm), khi giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao TSCĐ: TSCĐ được ghi nhận theo giá gốc, trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị chênh lệch.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Hàng ngày, khi nghiệp vụ phát sinh, kế toán viên kiểm tra lập chứng từ kế toán, trình kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán rồi trình giám

độc phê duyệt. Sau đó chứng từ cùng loại được kế toán viên đảm trách phân đó lên bảng tổng hợp chứng từ cùng loại. Cuối cùng phòng kế toán kiểm tra, phân loại sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và nhập các chứng từ vào máy tính để lên sổ Nhật ký chung và sổ cái các tài khoản liên quan. Đồng thời kế toán các phân hành cũng nhập chứng từ vào máy để lên các sổ chi tiết cuối tháng phòng kế toán sẽ lập và in báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”. *Phụ lục 02. Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty.*

Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting. Việc ứng dụng phần mềm đã giúp giảm thiểu thời gian, khối lượng công việc, nâng cao hiệu quả công việc. *Phụ lục 03. Trình tự kế toán máy tại công ty.*

3.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất tại Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Hiếu Nghĩa dưới góc độ kế toán tài chính

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất của Công ty là từng công trình xây lắp và đối tượng tính giá thành tại Công ty đó là công trình xây dựng bàn giao cho chủ đầu tư.

3.2.1. Kế toán chi phí NVL TT

Chi phí NVL TT là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn, chủng loại vật tư đa dạng, để quản lý tốt việc xuất nhập vật tư, công ty đã xây dựng hệ thống danh mục vật tư dựa trên phần mềm kế toán của công ty. Tại các công trình do công ty quản lý tập trung, NVL TT phục vụ cho thi công do công ty xuất kho hoặc mua chuyên thẳng tới công trình xuất dùng trực tiếp không qua kho.

+ **Đối với vật tư qua kho:** Khi tiến hành thi công phòng kế hoạch cùng phó giám đốc căn cứ tiến độ thi lập dự toán lượng cung ứng vật tư cần thiết phục vụ công trường trong từng giai đoạn cụ thể. Khi có nhu cầu về vật liệu, tổ trưởng xây dựng lập Giấy yêu cầu cung cấp vật tư. Căn cứ vào đó, bộ phận

vật tư sẽ viết phiếu xuất kho gồm 2 liên, người lĩnh vật tư mang 2 liên phiếu xuất đến thủ kho lĩnh vật tư. (*mẫu phiếu xuất kho phụ lục 04*). Thủ kho giữ lại 1 liên để vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán vật liệu để hạch toán. 1 liên người nhận đưa về nộp cho đội trưởng hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách công trường để kiểm tra số lượng và chất lượng vật liệu. Cuối tháng, kế toán công trình tập hợp các chứng từ trên về phòng kế toán của công ty. Tại đây, kế toán vật tư kiểm tra chứng từ rồi lập chứng từ hạch toán chuyển cho kế toán tổng hợp nhập liệu vào máy.

Sau khi nhập xong chứng từ, máy tự động chuyển dữ liệu vào các sổ của hình thức Nhật ký chung như sau:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ chi tiết tài khoản 1541
- + Sổ chi tiết tài khoản 621
- + Sổ cái tài khoản 154

Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho từng loại vật tư ở từng kho trên thẻ kho. Thẻ kho do phòng kế toán lập và giao cho thủ kho để ghi chép hàng ngày.

+ **Đối với vật tư không qua kho:** Căn cứ yêu cầu cung cấp vật tư, tiến hành mua và chuyển thẳng tới nơi thi công không qua kho của công ty. Các chứng từ có liên quan là các hoá đơn GTGT, chứng từ phản ánh chi phí thu mua, chi phí vận chuyển và biên bản giao nhận vật tư đối với bộ phận sử dụng.

Chi phí mua vật tư sẽ được trừ vào tiền tạm ứng của công trình hoặc ghi Có phải trả người bán. Sau đó kế toán ở tổ đội sẽ chuyển chứng từ liên quan đến nghiệp vụ mua cho phòng kế toán ở công ty. Căn cứ vào các chứng từ như Hóa đơn mua hàng, kế toán nhập dữ liệu, phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào máy. Sau khi nhập xong chứng từ, máy tự động chuyển dữ liệu

vào các sổ của hình thức Nhật ký Chung như sau:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái tài khoản 621
- + Sổ chi tiết Tài khoản 154.1
- + Sổ chi tiết tài khoản 621.1
- + Sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 154

Khi cần thiết, kế toán tiến hành in các sổ Kế toán ra để làm căn cứ đối chiếu và sử dụng làm tài liệu lưu trữ.

Chi phí NVL TT được hạch toán chi tiết cho từng công trình một theo giá thực tế của từng loại vật liệu xuất dùng. Chi phí NVL TT gồm nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ cấu thành nên công trình.

Cụ thể như: công trình khách sạn Gia Nguyễn

Sau khi hai bên ký xong hợp đồng xây dựng, Căn cứ *phụ lục 5: bảng chi phí vật tư công trình khách sạn Gia Nguyễn* và *phụ lục 6: Báo cáo nhập xuất tồn công trình khách sạn Gia Nguyễn tháng 01 năm 2017* đối thi công đối chiếu với bảng nhập xuất tồn kho xem còn thiếu vật tư nào cán bộ quản lý theo dõi công trình sẽ theo dõi liên hệ đi lấy hóa đơn vật tư đầu vào cho đủ như theo bảng kê

Nhìn vào bảng trên chúng ta thấy cần lấy " Cát vàng " = 549.9467 m³

Theo dữ liệu trên ta thấy cần 549.9467 m³ cát vàng mà trong kỳ nhập về 150 m³ Cát vàng

Vậy các chứng từ cần dùng đến khi nhập kho là:

- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng, thanh lý nếu có
- Biên bản giao hàng hoặc phiếu xuất kho bên bán
- Khai báo thuế hóa đơn đầu vào bình thường

- Chứng từ thanh toán: Phiếu Chi tiền hoặc ủy nhiệm chi

Các chứng từ cần khi xuất kho là:

- Phiếu yêu cầu vật tư
- Phiếu xuất kho nguyên vật liệu

Những lưu ý:

- Theo dự toán vật liệu tối đa xuất ra khối lượng là 549.9467 m³ do đó ta chỉ được xuất tối đa bằng khối lượng dự toán đã đưa ra, nếu xuất vượt sẽ bị xuất toán phần khối lượng vượt tương ứng với phần giá trị thành tiền vượt sau này khi quyết toán thuế hoặc kiểm toán doanh nghiệp vào thì sẽ bị loại phần giá trị khối lượng vượt này

- Theo trên phần chênh lệch thiếu = $549.9467 - 150.000 = 399.9467$ là số m³ cát vàng mà kế toán yêu cầu cần lấy thêm hóa đơn đầu vào nếu lấy thêm được hóa đơn => giảm được thuế thu nhập doanh nghiệp 20% và được khấu trừ thêm 10% thuế GTGT đầu vào

- Theo phần trên nếu doanh nghiệp không lấy được hóa đơn đầu vào phần còn thiếu thì doanh thu - giá vốn => lợi nhuận cao => đóng thuế TNDN nhiều, Nếu lấy thêm hóa đơn GTGT đầu vào doanh nghiệp còn được khấu trừ 10% thuế GTGT đầu vào nếu không lấy được thì không có gì

- Làm theo dạng xuất thẳng không qua kho: nếu trong dự toán cần 549.9467 m³ cát vàng mà hóa đơn ta lấy về chỉ là có duy nhất mặt hàng là 549.9467 m³ cát vàng các hóa đơn này $\geq 20.000.000$ hoặc $\leq 20.000.000$ lúc này ta không nhập kho mà xuất thẳng công trình để tránh khỏi rườm rà, tiết kiệm thêm một bước cho kế toán

- Sau đó khi kết thúc công trình nghiệm thu: Việc xuất kho nguyên vật liệu sử dụng cho công trình không hết ta tiến hành nhập lại kho bằng số chênh lệch thừa so với dự toán

- Phiếu xuất kho nguyên vật liệu = $600\ 000 - 549.9467 = 50.053$ m³

- Việc nhập lại kho để giảm giá thành xây dựng, nếu kế toán ko nhập lại kho => xuất dư so với dự toán vậy nếu kế toán quên không nhập kho thì khi quyết toán thanh tra thuế tại doanh nghiệp sẽ bóc phần vượt này: 50.053 m³

- Nếu việc vượt mà kế toán quên nhập lại kho thì phần khối lượng vượt dự toán kế toán theo dõi sổ tay riêng hoặc ghi chú để khi quyết toán thuế TNDN năm thì loại bỏ vào mục B4 của tờ khai quyết toán thuế TNDN năm

3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hai hình thức trả lương cho người lao động là: lương theo thời gian và trả lương khoán (lương theo sản phẩm) hoặc kết hợp cả hai hình thức. Việc trích các khoản theo lương của công ty tuân theo đúng chế độ hiện hành. Lương thời gian được áp dụng cho bộ máy quản lý thuộc khối văn phòng, nhân viên quản lý đội tiến hành công nhật. Hình thức này cũng được áp dụng với cả công nhân trực tiếp xây lắp.

Lương khoán (lương sản phẩm) thường được áp dụng cho các bộ phận trực tiếp thi công xây dựng công trình theo từng khối lượng công việc hoàn thành. Công ty chỉ áp dụng hình thức trả lương khoán khi muốn đẩy nhanh tốc độ thi công.

Đối với nhân công thuê ngoài, Đội tiến hành kiểm nguồn lao động và ký hợp đồng giao khoán. Khi công việc được hoàn thành như trong hợp đồng giao khoán, trên cơ sở đó lập “ Bản nghiệm thu thanh toán” và “ Bảng thanh toán khối lượng giao khoán”. Các đội tập hợp chứng từ liên quan tới công việc thi công thực hiện phần việc được giao, gửi lên phòng kế toán để làm thanh toán .

Hàng tháng đội trưởng đội thi công chấm công cho công nhân rồi gửi về cho phòng kế toán kèm theo phiếu xác nhận khối lượng công việc hoàn thành để lập bảng tính lương và bảng thanh toán lương. Cuối quý, kế toán căn

cứ vào số liệu trên chúng từ ghi sổ để ghi vào “Sổ chi tiết TK 622”, sổ cái TK622.

Theo hình thức này, tiền lương được tính phụ thuộc vào thời gian lao động và mức lương quy định cho một đơn vị thời gian phù hợp với ngạch bậc lương của người lao động đang xét. Giá công thợ xây dựng nhà dân dụng được công ty trả theo ngày tại thời điểm 2017:

Giá công thợ xây dựng chính (xem và quản lý công trình): 420.000 – 450.000 VNĐ.

Giá công thợ xây dựng lành nghề trong công trình: 350.000 – 390.000 VNĐ.

Giá công phụ xây dựng lành nghề trong công trình: 250.000 – 290.000 VNĐ.

Ưu điểm: phản ánh một mức độ nhất định chất lượng lao động, số lượng lao động và trình độ nghề nghiệp của người lao động.

Nhược điểm: không phản ánh chính xác mối quan hệ trực tiếp giữa tiền lương nhận được và số lượng lao động đã tiêu phí, vì vậy không khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động.

Do đó loại này thường chỉ nên áp dụng ở các bộ phận mà khối lượng công việc không thể đo tính rõ ràng (nhất là cho cán bộ quản lý gián tiếp); khi đòi hỏi về đảm bảo chất lượng của sản phẩm làm ra được đề cao, (hoặc đối với các công việc trên giác độ kinh tế, nếu trả lương theo sản phẩm sẽ ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm như công tác sửa chữa máy thiết bị, kiểm tra chất lượng sản phẩm, chế tạo các dụng cụ đo lường chính xác cao v.v...).

Ví dụ: công trình Khách sạn Gia Nguyễn ký hợp đồng thời gian là : 10 tháng từ ngày 01/01/2017

Tổng chi phí nhân công là = 3.186.529.617 đ

Vậy việc phân chi bổ phí nhân công như sau:

Tiền lương một công = 250.000 đồng/ngày

Thời hạn tiến độ 10 tháng : 300 ngày

Một tháng phân bổ là: (3.186.529.617 : 10) = 316.852.961,7 đ/tháng

Một ngày của tháng chi phí cần phân bổ là: 316.852.961,7 : 30 ngày
=10.561.765,39 đ/ngày

Vậy số công của một ngày hay là số lao động cần phân bổ để làm cho công trình này là =10.561.765,39 đ/ngày/250.000= 43 công/ ngày tương ứng với = 43 người lao động trong một ngày để thực hiện công trình

3.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công ở công ty gồm: Chi phí nguyên liệu chạy máy, chi phí nhân công điều khiển máy thi công, chi phí khấu hao máy thi công, chi phí chung ở bộ phận máy thi công và các chi phí khác phục vụ máy thi công.

Máy thi công của công ty gồm: máy trộn vữa, máy trộn bê tông, máy xúc, máy kéo, ô tô tải... .Khi tiến hành thi công công trình, công ty sẽ có lệnh điều động máy thi công phục vụ sản xuất. Sau khi hoàn thành phần công việc thi công, máy sẽ được điều động đi công trình khác hoặc nghỉ bảo dưỡng chờ phục vụ công trình mới. Công ty có thể thuê ngoài máy thi công, đối với máy thi thuê ngoài công ty không tiến hành tính khấu hao máy.

Để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công, kế toán công ty sử dụng tài khoản 623 - Chi phí sử dụng máy thi công mở chi tiết cho từng công trình. Các loại chi phí sử dụng máy thi công bao gồm:

+ *Chi phí công nhân sử dụng máy thi công*: gồm tiền lương và các khoản phụ cấp trả cho công nhân ở các tổ máy thi công của công ty và thuê ngoài theo hợp đồng. Công nhân điều khiển máy thi công của công ty hay thuê ngoài đều được trả lương theo hình thức khoán.

Việc hạch toán chi phí sử dụng máy thi công cũng tương tự như hạch

toán chi phí nhân công trực tiếp, không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương của công nhân sử dụng máy thi công.

+ *Chi phí vật liệu phục vụ máy thi công*: gồm nhiên liệu phục vụ máy thi công như: Dầu, mỡ, xăng... Căn cứ vào nhiệm vụ thi công, đội thiết bị sẽ làm giấy yêu cầu cung cấp nguyên vật liệu phục vụ máy thi công lên đội trưởng công trình đề nghị cho mua vật tư. Được sự đồng ý của đội trưởng công trình cán bộ vật tư sẽ mua nguyên vật liệu hoặc thủ kho xuất kho giao cho các tổ máy thi công. Kế toán công trình sẽ tập hợp các chứng từ liên quan: Giấy yêu cầu cung cấp vật tư, biên bản bàn giao vật tư, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho... định kỳ gửi lên phòng kế toán công ty. Việc nhập dữ liệu vào máy tính tương tự như việc nhập phát sinh chi phí NVL trực tiếp.

+ *Chi phí dụng cụ sản xuất*: dụng cụ phục vụ máy thi công gồm: cáp, kìm cáp... và các CCDC lao động liên quan tới hoạt động của máy thi công. Chi phí CCDC dùng cho máy thi công được phân bổ tùy theo thời gian sử dụng. Việc hạch toán tương tự như hạch toán chi phí vật liệu phục vụ máy thi công.

+ *Chi phí khấu hao máy thi công*: Công ty chỉ tính khấu hao đối với các máy thi công của công ty và hiện nay công ty đang áp dụng trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Gồm tiền mua bảo hiểm máy, chi phí điện nước, chi phí trả cho nhà thầu phụ, chi phí thuê ngoài máy thi công...

+ *Chi phí bằng tiền khác*: Gồm chi phí bằng tiền phục vụ cho hoạt động máy thi công như chi phí sửa chữa máy thi công, mua phụ tùng cho máy..

Khi máy thi công bị hỏng công nhân điều khiển máy báo cho đội trưởng, sau đó tiến hành lập biên bản kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị và đề nghị đem sửa. Khi công việc hoàn thành lập biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng. Kế toán công ty căn cứ vào Biên bản kiểm tra tình trạng máy

móc thiết bị, hoá đơn, giấy báo giá sửa chữa thiết bị máy, và biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng... sẽ lập chứng từ hạch toán và nhập dữ liệu vào máy, và phần mềm kế toán sẽ tự động lưu dữ liệu vào các sổ Kế toán liên quan

Khi cần thiết, kế toán tiến hành in các sổ kế toán ra để làm căn cứ đối chiếu, quản lý và làm tài liệu lưu trữ.

3.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung gồm: Chi phí nhân viên quản lý, khấu hao TSCĐ dùng chung cho quản lý đội và các chi phí khác bằng tiền khác phục vụ công trình giữa các bên liên quan. Để hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán Công ty sử dụng TK 627- Chi phí sản xuất chung theo từng công trình cụ thể. Đối với chi phí sản xuất chung, khoản nào phát sinh trực tiếp sẽ được tập hợp trực tiếp cho từng công trình. Còn đối với những khoản chi phí sản xuất chung phục vụ cho toàn đội, xí nghiệp thì tiến hành phân bổ theo tiền lương công nhân trực tiếp.

+ *Chi phí nhân viên phân xưởng* gồm: khoản lương chính, lương phụ và các khoản trích theo lương phải trả cho nhân viên quản lý công trình, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất và công nhân sử dụng máy thi công trong danh sách lao động của công ty.

+ *Chi phí dụng cụ sản xuất*: Công cụ dụng cụ dùng cho hoạt động quản lý công trình thường có giá trị nhỏ nên được phân bổ một lần vào chi phí chung dụng cụ sản xuất. Khi mua những công cụ này kế toán công trường vẫn phải tập hợp đầy đủ các chứng từ: Hoá đơn GTGT, phiếu xuất... dưới công trường, về cho phòng kế toán công ty để kế toán hạch toán vào tài khoản 627.

Thông thường CCDC công ty không quản lý trong kho mà để công trình tự mua bằng tiền tạm ứng để phục vụ thi công khi có nhu cầu, do đó công ty quản lý chi phí CCDC thông qua các hoá đơn GTGT và bảng kê CCDC do bộ phận vật tư lập.

Quy trình nhập liệu tương tự như quy trình nhập liệu phân khoản mục chi phí NVL trực tiếp, sau khi nhập liệu xong máy sẽ tự động chuyển dữ liệu vào các sổ 627.1, 154.1- liên quan đến công trình.

+ *Chi phí khấu hao tài sản cố định:* Hiện nay, máy móc thiết bị thi công công trình gồm: máy móc của công ty và máy móc đi thuê. Đối với TSCĐ thuộc sở hữu của công ty, hàng tháng tiến hành trích khấu hao cho từng TSCĐ. Việc trích khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Khoản chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty gồm: chi phí điện thoại, nước, chi phí thuê TSCĐ phục vụ việc quản lý công trình,... Khi phát sinh các chi phí dịch vụ mua ngoài, kế toán công trình sẽ tập hợp các hoá đơn chứng từ liên quan như: hợp đồng thuê nhà, Biên lai thanh toán tiền điện nước, phiếu thu của các đơn vị khác... cuối tháng chuyển về phòng kế toán để hạch toán, quy trình nhập liệu cũng tương tự như quy trình nhập liệu khoản mục chi phí NVL trực tiếp.

+ *Chi phí khác bằng tiền* Bao gồm chi phí tiếp khách, giao dịch, bảo dưỡng máy móc, in ấn tài liệu... Căn cứ vào các chứng từ gốc có liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, giấy thanh toán tạm ứng, kế toán lên bảng kê chứng từ và tổng hợp vào sổ nhật ký chung. Cuối kỳ, kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất, Dựa vào các Chứng từ và sổ sách liên quan kế toán nhập dữ liệu vào máy và máy tính sẽ tự động lưu số liệu vào các sổ sách liên quan .

Khi cần thiết, kế toán tiến hành in các sổ kế toán ra để làm căn cứ đối chiếu, quản lý và làm tài liệu lưu trữ.

3.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Hiện nay nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của công ty là tập hợp theo từng khoản mục chi phí của từng công trình và HMCT như sau:

- Chi phí NVL TT.
- Chi phí nhân công trực tiếp.
- Chi phí sử dụng máy thi công.
- Chi phí sản xuất chung.

Sau khi công tác tập hợp chi phí theo từng khoản mục đã hoàn thành, căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết của các khoản mục chi phí phát sinh theo từng công trình kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ sang sổ **chi tiết TK154 theo từng công trình** tương ứng.

Căn cứ vào các chứng từ cần thiết, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Sau đó máy sẽ tự động lưu dữ liệu vào các sổ kế toán của Hình thức Nhật ký chung.

3.3. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu nghĩa dưới góc độ kế toán quản trị

3.3.1. Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

a. Phân loại theo chức năng (khoản mục chi phí)

Để phù hợp với quy trình sản xuất xây lắp, công ty đã sử dụng cách phân loại chi phí sản xuất theo chức năng bao gồm các khoản mục:

- Chi phí NVL TT
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Cách phân loại chi phí theo chức năng chi phí cung cấp được số liệu một cách hợp lý để xác định giá thành sản phẩm xây lắp và tập hợp chi phí, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo theo các mặt hoạt động phù hợp.

b. Phân loại theo nội dung kinh tế

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
- Chi phí khấu hao TSCĐ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Cách phân loại chi phí theo nội dung kinh tế, có tác dụng quan trọng đối với việc quản lý chi phí của lĩnh vực sản xuất xây lắp cho phép hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp.

Các cách phân loại này về cơ bản mới chỉ phục vụ cho công tác kế toán tài chính, chưa có phân loại theo cách ứng xử chi phí, hỗ trợ ra quyết định lựa chọn phương án đầu tư. Do vậy, Công ty không có số liệu và cơ sở để phân loại giá thành theo góc độ kế toán quản trị.

3.3.2. Phân tích chênh lệch chi phí

Kiểm soát chi phí là một trong những điều quan trọng của kế toán quản trị chi phí có vai trò quan trọng, giúp các nhà quản trị đánh giá được hiệu quả của quản trị chi phí hiện tại bằng việc so sánh với chi phí thực tế phát sinh trong kỳ với chi phí dự toán hoặc so sánh chi phí trong mỗi tương quan với doanh thu, thu nhập tương ứng.

Căn cứ Phụ lục 7: Bảng tổng hợp chi phí công trình khách sạn Gia Nguyễn. Tiến hành phân tích các chênh lệch:

Trong quá trình thực hiện kiểm soát chi phí nguyên vật liệu tại công ty đã phân tích nguyên nhân tăng giảm chi phí nguyên vật liệu giữa dự toán và thực tế theo bảng phân tích chi phí vật liệu thực tế so với dự toán. Việc so sánh chi phí thực tế với chi phí dự toán sẽ giúp nhà quản trị đánh giá và thực hiện chi phí trong kỳ. Công ty đã có sự so sánh giữa chi phí thực tế với các định mức chi phí, tìm ra nguyên nhân chênh lệch và có các biện pháp cụ thể để khắc phục các nguyên nhân làm tăng chi phí so với định mức.

Phân tích chênh lệch chi phí NVL TT (1.000đ)

STT	Nội dung	Chênh lệch		
		CP thực tế	CP dự toán	Thành tiền
1	Chi phí nguyên vật liệu (cát, đá, xi măng sắt thép....)	11.043.608	11.000.000	43.608

Từ bảng phân tích, ta thấy chi phí NVL TT thực tế cao hơn so với dự toán một lượng 43.608.000 đồng. Điều này cho thấy công ty được đánh giá là hiệu quả quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất. Tuy nhiên, bảng phân tích chưa nêu lên được nguyên nhân của sự chênh lệch này, chi phí thực tế cao hơn có thể là do giá mua thực tế nguyên vật liệu tăng so với kế hoạch, phần tiêu hao nguyên liệu cao hơn định mức.

Phân tích chênh lệch chi phí nhân công trực tiếp (1.000đ)

STT	Nội dung	Chênh lệch		
		CP thực tế	CP dự toán	Thành tiền
1	Chi phí nhân công	3.186.529	3.300.000	113.471

Từ bảng phân tích, ta thấy chi phí NCTT thực tế thấp so với dự toán là 113.471.000đồng tuy nhiên nguyên nhân của sự chênh lệch cũng chưa được chỉ ra là vì sao. Nguyên nhân tăng có thể là do công ty tận dụng và quản lý tốt nhân viên hay thuê được nhân công giá rẻ, công ty tăng ca nhưng trả ít hơn dự toán cho công nhân, các khoản phụ cấp, khen thưởng, khuyến khích công nhân tăng năng suất làm việc. Việc gia tăng chi phí NCTT không đáng kể, có thể không gây ảnh hưởng gì đến hiệu quả của công ty.

Phân tích chênh lệch chi phí máy thi công (1.000đ)

STT	Nội dung	Chênh lệch		
		CP thực tế	CP dự toán	Thành tiền
1	Chi phí máy thi công	437.521	420.000	17.521

Chi phí máy thi công thực tế cao hơn so với dự 17.521.000đồng so với chi phí dự toán, nguyên nhân không được chỉ ra có thể do giá hoặc lượng dầu máy sử dụng tăng, điều đó không chứng minh được công ty đang quản lý có hiệu quả việc sử dụng máy thi công tại đơn vị.

Phân tích chênh lệch chi phí sản xuất chung (1.000đ)

STT	Nội dung	Chênh lệch		
		CP thực tế	CP dự toán	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất chung	977.232	950.000	27.232

Chi phí sản xuất chung thực tế cao hơn so với dự 27.232.000đồng so với chi phí dự toán, nguyên nhân không được chỉ ra, điều đó không chứng minh được công ty đang quản lý có hiệu quả chi phí sản xuất chung hay không.

Tóm lại, việc phân tích chênh lệch chi phí ở Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Hiếu Nghĩa chỉ dừng lại ở mức độ kiểm tra, so sánh giá thành sản xuất thực tế với giá thành dự toán của từng công trình, chỉ nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của hoạt động xây lắp mà chưa phục vụ cho mục đích ra quyết định.

3.3.3. Cung cấp thông tin kế toán quản trị để ra quyết định và báo cáo kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp

Các báo cáo nội bộ liên quan đến kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm bao gồm các loại báo cáo tình hình tiến độ thi công, báo cáo tình hình cung ứng vật tư, báo cáo tình hình thanh toán tạm ứng. Tuy nhiên những thông tin trên mới chỉ phục vụ cho việc theo dõi tiến độ thi công của công trình. Công ty vẫn chưa lập báo cáo phục vụ cho công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành. Do vậy, không có số liệu so sánh đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, tiết kiệm chi phí trong công ty.

Ở công trình khách sạn Gia Nguyễn đội ngũ kế toán đã đổi mới và làm bảng so sánh dự toán và chi phí thực tế nhưng vẫn chưa hỗ trợ nhiều cho việc ra quyết định của giám đốc.

3.3.4. Tổ chức lập dự toán chi phí

Khi xây dựng dự toán chi phí định mức chi phí sản xuất phải tuân theo nguyên tắc chung là tìm hiểu, xem xét khách quan toàn bộ tình hình thực tế thực hiện chi phí sản xuất kinh doanh đối với mỗi đơn vị sản phẩm của kỳ trước, đánh giá chất lượng sản phẩm và các vấn đề liên quan đến năng suất và hiệu quả lao động của doanh nghiệp. Sau đó kết hợp với thay đổi về thị trường như quan hệ cung cầu, nhu cầu đòi hỏi của thị trường, thay đổi về điều kiện kinh tế kỹ thuật bổ sung định mức chi phí cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện mới.

Ở Công ty chủ yếu dựa vào định mức kinh tế kỹ thuật của ngành đã được xây dựng và nhà nước phê duyệt làm định mức chi phí cho doanh nghiệp. (*Phụ lục 7: Định mức cấp phối vật liệu xây dựng*). Trong điều kiện hiện nay đòi hỏi các công ty phải quan tâm đến chất lượng và giá cả sản phẩm. Muốn sản xuất có hiệu quả các nhà quản trị phải nghiên cứu và xây dựng định mức thực tế phù hợp với điều kiện thực tế của công ty trên cơ sở

định mức chung của ngành. Hơn nữa định mức kinh tế kỹ thuật của ngành được xây dựng có thể chưa bao quát được điều kiện, đặc điểm, kỹ thuật cụ thể của doanh nghiệp. Do đó, để công ty có thể dự toán sản xuất kinh doanh hợp lý, sát với điều kiện cụ thể thì cần phải xây dựng định mức chi phí riêng của doanh nghiệp.

Dự toán là công cụ để lập kế hoạch và kiểm tra được sử dụng rất rộng rãi trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Dự toán chi phí sản xuất chiếm một phần công việc không nhỏ trong kế toán quản trị chi phí, để có thể sử dụng chi phí sản xuất một cách có hiệu quả, công ty cần lập dự toán chi phí sản xuất kinh doanh.

Dự toán là công cụ của nhà quản lý, chính vì thế đòi hỏi họ phải biết thích ứng dự toán với từng nhu cầu riêng rẽ và với hoàn cảnh cụ thể của từng doanh nghiệp. Vì vậy dự toán có rất nhiều loại khác nhau. Chẳng hạn, người ta có thể triển khai thực hiện kế hoạch theo loại nghiệp vụ, theo các loại nguồn lực khác nhau, theo hoạt động, theo các trung tâm trách nhiệm, theo quá trình...

Dự toán xây dựng được xây dựng tổng quát tương tự như bảng tổng hợp chi phí công trình xây dựng để giám đốc dễ theo dõi so sánh (*phụ lục 8: Bảng tổng hợp chi phí công trình khách sạn Gia Nguyễn*).

3.4. Những hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những ưu điểm trong công tác quản lý và hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tại Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Hiếu Nghĩa vẫn còn một số mặt hạn chế cần phải khắc phục như:

3.4.1. Dưới góc độ kế toán tài chính

Về luân chuyển chứng từ: Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Vì vậy có nhiều hạn chế trong việc thu thập số liệu, chứng từ đôi khi còn chậm so với yêu cầu. Điều này là nguyên nhân gây ra sự thiếu

chính xác, kịp thời trong quá trình hạch toán chi phí phát sinh trong kỳ và ảnh hưởng tới việc tham mưu cho lãnh đạo về vấn đề tài chính cũng như vấn đề phân tích hiệu quả kinh tế vào cuối năm.

Về chứng từ sử dụng: Bên cạnh những ưu điểm về chứng từ ta thấy vẫn còn một số tồn tại sau về chứng từ sử dụng tại công ty: Toàn bộ việc chấm công cho công nhân ở các đội và các phòng do các tổ trưởng thực hiện. Tuy điều này giúp công việc kế toán chi phí giảm bớt nhưng kế toán chỉ có thể nắm bắt được tổng số mà không thể kiểm tra chính xác trong việc tính lương của từng công nhân sản xuất. Do đó có thể có những sai sót mà kế toán không thể nắm bắt và phát hiện kịp thời. Mặt khác, bên cạnh những chứng từ công ty sử dụng theo quy định của Nhà nước nhưng có một số chứng từ Công ty vẫn chưa sử dụng như : bảng chấm công làm thêm giờ....Đối với bất cứ một Công ty nào đặc biệt là trong ngành xây dựng thì vấn đề làm thêm giờ là thường xuyên xảy ra vì có khi công trình cần thi công gấp. Vì vậy cần cần sử dụng thêm một loại bảng chấm công làm thêm giờ.

Về chi phí NVL TT: Mặc dù trước khi thi công, công ty đã xác định chi phí cho công trình đó trong đó có chi phí NVLTT, nhưng do thời gian thi công kéo dài, trong khi đó giá NVL đầu vào thay đổi từng ngày, nếu nó thay đổi theo chiều hướng tăng sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành công trình. Trong trường hợp này, nếu công ty ký hợp đồng chọn gói thì khi giá NVL tăng công ty phải tự bù đắp bằng cách trích lợi nhuận định mức để bù phần thiếu hụt. Nhưng lợi nhuận định mức thường từ 5,5- 6% tùy thuộc vào loại công trình, nhiều khi không đủ để bù đắp trượt giá nên đây vẫn là vấn đề cần giải quyết.

Mặt khác, do ý thức người lao động không tốt nên thường xảy ra tình trạng mất cắp một số vật tư có giá trị cao như sắt, thép... Điều này chủ yếu do công tác quản lý NVL chưa chặt chẽ nên dễ gây thất thoát. Bên cạnh đó ở

Công ty, các đội thi công công trình là các đơn vị nhỏ trực thuộc chịu sự quản lý của công ty, không có tư cách pháp nhân. Vì vậy việc tự lo mua sắm vật tư cho hoạt động sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Khi có nhu cầu về vật tư, Công ty đã giao cho nhân viên của đội sản xuất trực tiếp mua NVL theo dự toán đã được cung cấp. Tuy nhiên khoản mục chi phí thu mua cũng là đáng kể nếu như các công trình ở xa nhau và khoản này dễ bị làm giá nhằm thu tư lợi cá nhân, làm tăng chi phí sản xuất và tăng giá thành sản phẩm.

Về chi phí nhân công trực tiếp: Công ty không tiến hành trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm qua đó chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phân bổ vào các công trình kết chuyển chi phí vào cuối năm sẽ phải chịu cả chi phí đáng nhẽ phải được phân bổ cả cho các công trình đơn hàng đã tính giá thành trong năm, từ đó không phản ánh được đúng giá thành thực tế của những đơn hàng, công trình này, làm các chỉ tiêu lãi gộp, lợi nhuận trên giá vốn của các sản phẩm không chính xác, ảnh hưởng đến việc ra quyết định sản xuất của ban lãnh đạo.

Về chi phí sản xuất chung: Công ty thực hiện hạch toán kế toán chi phí chưa phù hợp: một số CCDC luân chuyển dùng cho nhiều kỳ nhưng không thực hiện phân bổ mà tính một lần vào chi phí. Đối với CCDC có giá trị nhỏ kế toán có thể sử dụng phương pháp phân bổ một lần còn đối với những CCDC có giá trị tương đối lớn, kế toán phải tiến hành phân bổ nhiều lần. Hiện nay, công ty không sử dụng TK 142, 242 để tập hợp chi phí phân bổ nhiều lần cho CCDC có giá trị lớn. Cách làm này đơn giản nhưng sẽ gây biến động chi phí giữa các kỳ, ảnh hưởng đến chỉ tiêu về chi phí giá thành.

Bên cạnh đó, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ cũng không được trích trước. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh vào tháng nào thì sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất chung của tháng đó. Là một công ty xây dựng nên TSCĐ ở công ty có giá trị lớn, được sử dụng liên tục cho sản xuất, vì vậy việc hỏng

hóc có thể xảy ra bất cứ lúc nào, và chi phí để sửa chữa không cố định ở các tháng mà có sự biến động tăng giảm khác nhau, gây ra sự mất ổn định về chi phí sản xuất giữa các tháng, không chủ động về nguồn kinh phí cho sửa chữa lớn TSCĐ.

Hiện tại, Công ty vẫn chưa tiến hành trích trước chi phí bảo hành đối với các công trình xây lắp. Như vậy sẽ không chủ động nếu có vấn đề gì xảy ra đối với các công trình làm biến động tới giá thành công trình.

Về công tác hạch toán thiệt hại trong hoạt động xây lắp: Trong quá trình thi công xây lắp thì những thiệt hại do bị hỏng hóc hay phá đi xây lại là không thể tránh khỏi, nhưng hiện tại Công ty vẫn chưa hạch toán riêng khoản mục này mà vẫn tính vào giá thành công trình. Điều này làm tăng giá thành công trình một cách không hợp lý và không đúng với quy định.

3.4.2. Dưới góc độ kế toán quản trị

Hiện nay, công ty vẫn chỉ chú trọng đến kế toán tài chính, chưa đi sâu vào lĩnh vực kế toán quản trị để cung cấp thông tin cho các nhà quản lý. Bộ máy kế toán hiện tại của Công ty mới chỉ đảm nhận chức năng của kế toán tài chính, công ty không có bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng của kế toán quản trị.

Kế toán chi tiết tại Công ty mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin để lập các Báo cáo tài chính. Hệ thống thu thập thông tin của công ty cũng chỉ đáp ứng được nhu cầu cung cấp thông tin cho kế toán tài chính, chưa đáp ứng đủ nhu cầu thông tin cho kế toán quản trị.

Về cách phân loại chi phí phục vụ kế toán quản trị chi phí: Công ty chưa phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí. Đồng thời, công tác phân loại chi phí chưa đáp ứng yêu cầu kế toán quản trị chi phí. Chính vì công tác tổ chức kế toán quản trị chưa được quan tâm một cách đúng mức nên những ứng dụng của kế toán quản trị vào kế toán chi phí chưa thực sự có ý nghĩa cũng

như chưa cung cấp một cách đầy đủ những thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra các quyết định quản trị của ban lãnh đạo Công ty.

Về việc lập dự toán mới chỉ dừng lại ở cấp độ dự toán tổng hợp, chưa tiến hành lập các dự toán chi tiết để cung cấp thông tin cho quản lý. Về ứng dụng mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận trong khâu xác định giá bán sản phẩm xây lắp và đấu thầu. Hiện nay, việc xác định giá bán của sản phẩm xây lắp trong Công ty qua đấu thầu vẫn do phòng kỹ thuật xác định trên cơ sở hồ sơ thiết kế và đơn giá do Nhà nước quy định mà chưa căn cứ vào điều kiện và khả năng sản xuất hiện tại của công ty.

Hiện nay, tại Công ty việc xây dựng, quản lý và sử dụng định mức, dự toán chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp, hệ thống dự toán chưa đầy đủ và đồng bộ. Việc vận dụng và xây dựng các định mức chi phí rất cần thiết đối với Công ty trong điều kiện hiện nay để đưa ra những căn cứ làm cơ sở cho việc lập dự toán và làm tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty đã có sự so sánh giữa chi phí thực tế với dự toán, tuy nhiên việc tìm ra nguyên nhân chênh lệch và có các biện pháp cụ thể khắc phục nguyên nhân làm tăng chi phí so với định mức dự toán còn hạn chế. Thực tế chưa có đơn vị nào trong Công ty xây dựng được hệ thống định mức dự toán chi phí tiêu chuẩn hoàn thiện nhất là về chi phí cho người lao động và đơn giá tiêu chuẩn.

Chi phí sản xuất tại công ty được xác định bằng phương pháp trực tiếp cho đối tượng chịu phí là từng công trình bao gồm chi phí NVL TT, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung được xác định theo thực tế phát sinh vào từng khoản mục và phản ánh trên sổ cái các tài khoản tương ứng: 621, 622, 623, 627 rồi từ đó tính ra giá thành của từng công trình, chứ chưa xây dựng được các báo cáo theo hệ thống kế toán quản trị như: phiếu theo dõi chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình,

báo cáo giá thành công trình... nên kết thúc quá trình này chỉ đem lại kết quả duy nhất là tính ra được giá thành của công trình, mà chưa đưa ra được các thông tin phục vụ cho mục đích của kế toán quản trị.

Tuy đã đưa ra được một số báo cáo kế toán quản trị nói chung và báo cáo kế toán quản trị về chi phí sản xuất sản phẩm nói riêng nhưng nhìn chung chưa được thiết lập một cách đầy đủ để phục vụ cho yêu cầu quản lý và còn mang tính tổng hợp, liệt kê một cách đơn thuần, hầu như chỉ mang tính chất báo cáo kết quả cho kế toán tài chính chứ chưa thể hiện được vai trò cung cấp thông tin cho kế toán quản trị.

Công ty đã tiến hành tổ chức phân tích biến động các khoản mục chi phí dựa trên cơ sở các định mức chi phí đã được xây dựng và các chi phí thực tế phát sinh. Tiếp theo so sánh giữa dự toán và chi phí thực tế để thấy được chi phí nào tăng, chi phí nào giảm. Đối với công ty, công tác này chưa phân tích được cụ thể các nguyên nhân gây biến động chi phí sản xuất để có các giải pháp ứng xử hiệu quả, chưa thực sự được quan tâm, chưa được đầu tư thực hiện một cách khoa học. Từ đó, nhận thấy công tác kế toán của Công ty đã có những biểu hiện nhất định về kế toán quản trị nhưng mức độ chưa chuyên nghiệp. Vì vậy, Công ty cần phải hoàn thiện hơn.

Hiện nay tại Công ty các báo cáo kế toán trong nội bộ chưa thiết lập một cách đầy đủ để phục vụ cho yêu cầu quản lý. Nguyên nhân chủ yếu là do hiện nay Nhà nước chưa có những quy định về các biểu mẫu kế toán quản trị, vì vậy việc thiết kế các mẫu biểu kế toán quản trị hoàn toàn phụ thuộc vào yêu cầu quản lý, khả năng nhận thức của mỗi công ty cũng như phụ thuộc vào sự hướng dẫn của bản thân ngành xây dựng.

3.5. Những nguyên nhân của thực trạng trên

Từ các phân tích trên có thể đề cập đến một số nguyên nhân cơ bản sau:
Hệ thống kế toán công ty hiện nay vận hành theo chế độ kế toán thống

nhất, do Nhà nước ban hành, mà chế độ kế toán hiện nay mới chỉ cập nhật đến nội dung kế toán tài chính. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới hiện trạng triển khai chế độ kế toán công ty nói chung và kế toán quản trị nói riêng còn nhiều hạn chế.

Trong thực tế hiện nay, công ty chỉ chú trọng đến bộ phận kế toán tài chính, công ty luôn coi trọng báo cáo kế toán tài chính, vì nếu chậm thực hiện các công việc kế toán của bộ phận kế toán tài chính sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động khác đặc biệt ở góc độ vĩ mô. Công ty cũng gặp một vài khó khăn trong việc triển khai kế toán quản trị do nhiều nguyên nhân: Chưa phân định rõ ràng ranh giới giữa hai bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị, chưa thực sự thấu hiểu nguyên tắc, phương pháp của kế toán quản trị .

Công tác kiểm soát chi phí sản xuất: Việc kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty chỉ dừng lại ở việc kiểm soát chi phí NVL TT dựa trên việc so sánh chi phí thực tế và chi phí dự toán. Còn việc kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp và chi phí máy thi công chưa được Công ty đề cập đến.

Mặc khác công ty cũng chưa quan tâm đến việc xây dựng lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo cách ứng xử của chi phí nhằm mục đích đánh giá kết quả kiểm soát chi phí phát sinh theo từng bộ phận, hạng mục công trình, công trình.

Các nhà quản trị công ty chưa nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của kế toán quản trị chi phí. Kế toán quản trị chi phí vẫn còn là một vấn đề mới mẻ, chưa bắt buộc đối với các doanh nghiệp. Các nhà quản trị công ty chưa thấy được sự cần thiết của kế toán quản trị, sự cần thiết của các thông tin kế toán khi xem xét hay đưa ra một quyết định, lựa chọn một phương án kinh doanh nào đó. Dẫn đến kế toán quản trị chi phí chưa có điều kiện ứng dụng vào hoạt động cung cấp thông tin cho điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của người làm kế toán và kế toán quản trị chi phí còn hạn chế. Qua khảo sát cho thấy trình độ của nhân viên kế toán không đồng nhất, trình độ chuyên môn về kế toán còn thấp nên không thấy được tầm quan trọng của Kế toán quản trị trong việc ra quyết định kinh doanh. Sự nhận thức và hiểu biết về kế toán quản trị của nhân viên kế toán vẫn còn rất mới mẻ nên chưa có kinh nghiệm tổ chức thực hiện và áp dụng vào thực tế công việc.

Từ những phân tích, đánh giá trên có thể thấy những hạn chế trong công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty hiện nay là do sự thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được cơ chế quản lý kinh tế, môi trường pháp lý và sự hạn chế trong nhận thức của nhà quản trị chưa nhận thức hết được tầm quan trọng, vai trò của thông tin kế toán trong kế toán quản trị chi phí. Do đó việc nghiên cứu hoàn thiện kế toán

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong Chương 3 luận văn đã trình bày kết quả nghiên cứu thực tế tại Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Hiếu Nghĩa, từ bộ máy tổ chức quản lý, bộ máy kế toán và công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty trên góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Từ đó đánh giá ưu nhược điểm của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty, và đề xuất những giải pháp nhằm hướng tới mục đích hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty. Nội dung những ý kiến đề xuất tác giả trình bày trong Chương 4 của Luận văn này.

CHƯƠNG 4: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HIẾU NGHĨA

4.1. Yêu cầu khi thực hiện hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây dựng tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa

Hoàn thiện trên cơ sở cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư, nghị định của Nhà nước ban hành nhằm hướng dẫn cho các Công ty hạch toán một cách thống nhất, dễ dàng cho việc kiểm tra giám sát của Nhà nước, phù hợp với mục tiêu chiến lược xây dựng và phát triển của Công ty.

Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty, quy mô Công ty, khả năng trình độ của đội ngũ nhân viên kế toán. Mỗi cách tổ chức đều cần điều kiện riêng biệt đó là điều kiện về sản xuất kinh doanh, trình độ đội ngũ cán bộ, vật chất, công nghệ...

Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất phải kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, Hoàn thiện kế chi phí phải xem xét lợi ích và chi phí, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Theo nguyên tắc này, thông tin cung cấp phải có chất lượng cao, với chi phí phù hợp nhất.

Phải đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ cho mọi hoạt động, đặc biệt là công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất nhằm phục vụ kịp thời cung cấp thông tin cho ban lãnh đạo ra các quyết định chỉ đạo và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa dưới góc độ kế toán tài chính

4.2.1. Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ

Tại công ty vì nhiều lý do khác nhau mà chứng từ không được tập hợp về phòng kế toán kịp thời. Nguyên nhân chủ yếu là do công trình ở xa, điều kiện đi lại khó khăn, chi phí đi lại tốn kém, đồng thời cũng do chưa thực sự thấy được tầm quan trọng của vấn đề này. Chứng từ tập hợp chậm dẫn tới việc hạch toán chi phí không chính xác so với thực tế. Ngoài ra, chứng từ thường tập trung vào cuối tháng mới chuyển về một lần dẫn đến tình trạng dồn ứ khối lượng công việc vào thời điểm này gây khó khăn cho công tác hạch toán.

a. Hoàn thiện việc hạch toán và quản lý chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Theo đặc điểm của ngành xây dựng, chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng lớn mà Công ty không mở kho vật tư riêng mà chuyển thẳng vật tư từ nơi mua đến chân công trình. Kế toán phải hạch toán nguyên vật liệu nhập xuất trên tài khoản 152, thủ tục này khá phức tạp về hình thức và mất thời gian. Để khắc phục tình trạng này công ty có thể tiến hành hạch toán chi phí nguyên vật liệu ngay khi nguyên vật liệu được giao tới chân công trình và hạch toán luôn vào tài khoản 621. Hơn nữa công ty lập Biên bản giao nhận vật tư giữa người mua và người bán, việc làm này vừa đảm bảo đầy đủ thông tin về vật tư vừa giúp cho kế toán đội thuận tiện trong công tác vào bảng tổng hợp chi phí NVL TT.

Ngoài ra, hiện nay ở công ty sau mỗi lần hoàn thiện công trình, phế liệu thu hồi còn chưa làm các thủ tục nhập kho, chưa phản ánh đầy đủ trên sổ sách. Điều này dẫn đến chi phí NVL TT tăng lên so với thực tế từ đó giá thành của công trình sẽ cao hơn thực tế. Vì vậy công ty cần hạch toán phế liệu thu hồi để phản ánh chính xác chi phí NVL TT.

b. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Ở các đội xây lắp, lực lượng công nhân hầu hết là lao động hợp đồng có thời hạn. Như vậy rất khó cho việc theo dõi thời gian lao động của công nhân làm ảnh hưởng nhiều đến hạch toán lương và các khoản phải trả cho người lao động. Công ty đã sử dụng tài khoản 334 “Phải trả công nhân viên” để hạch toán tiền lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty. Vì vậy, khi hạch toán tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty nên tách và theo dõi tiền lương trên 2 tài khoản sau:

TK 3341: “Công nhân dài hạn”. Áp dụng đối với người lao động có hợp đồng lao động với Công ty từ 6 tháng trở lên.

TK 3348: “Công nhân thời vụ”. Áp dụng đối với người lao động có hợp đồng lao động với Công ty dưới 6 tháng nhưng trên một tháng.

Ngoài ra trong Công ty còn có một số công nhân có hợp đồng thời hạn một tháng với Công ty. Công ty cũng sử dụng TK 334 để hạch toán tiền lương với công nhân thuộc diện này. Lực lượng lao động này coi như lao động thuê ngoài, tiền công trả cho họ là để mua sức lao động. Và vì vậy, Công ty không sử dụng qua TK 334 mà nên dùng TK 111 để hạch toán theo định khoản.

c. Hoàn thiện hạch toán chi phí sử dụng máy thi công

Hiện nay công ty tiến hành phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ cho máy thi công cho từng công trình, HMCT theo chi phí nhân công trực tiếp là chưa hợp lý, do đó ảnh hưởng đến tính chính xác của hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Do đó, Công ty nên phân bổ chi phí công cụ dụng cụ phục vụ cho máy thi công theo số giờ máy chạy do chi phí công cụ dụng cụ dùng cho máy thi công phụ thuộc nhiều vào thời gian chạy máy.

d. Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

Đối với các khoản chi phí sửa chữa lớn TSCĐ tuy không phát sinh thường xuyên nhưng thường khá lớn, ảnh hưởng nhiều tới kết quả sản xuất

kinh doanh trong kỳ. Khi phát sinh chi phí này mà không được trích trước sẽ gây mất cân đối chi phí phát sinh giữa các kỳ kế toán, không những thế, công ty còn mất tính chủ động khi sửa chữa.

Vì vậy, để công tác hạch toán kế toán được khoa học và hợp lý hơn công ty nên tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Để trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, công ty cần lập kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ. Đây sẽ là căn cứ để kế toán tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo từng tháng rồi phân bổ cho các công trình theo giá trị công trình hoặc số giờ máy làm việc cho phù hợp.

4.2.2. Hoàn thiện tổ chức hệ thống dự toán chi phí

Dự toán công trình là một kế hoạch chi tiết được lập cho một công xây dựng chuẩn bị tiến hành thi công, biểu hiện dưới hình thức định lượng (số lượng và giá trị), chỉ ra việc huy động các nguồn lực và việc sử dụng chúng; Là một công cụ của nhà quản lý, được sử dụng trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá hoạt động. Lập dự toán là khâu rất quan trọng trong quá trình sản xuất của Công ty xây lắp, đòi hỏi các quy trình tương đối phức tạp, do đó nếu khâu dự toán được lập chính xác thì sẽ giúp Công ty tiết kiệm được chi phí. Tác dụng to lớn của việc lập dự toán thể hiện trong các vấn đề như:

Giúp kiểm tra và giám sát được các khoản chi phí cho từng bộ phận sản xuất, cụ thể sau khi thực tế sản xuất có thể đối chiếu so sánh với dự toán để làm căn cứ đánh giá hiệu quả quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Giúp dự báo được những vấn đề khó khăn trong quá trình sản xuất, quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Căn cứ vào dự toán, ban lãnh đạo sẽ có kế hoạch huy động nguồn lực một cách phù hợp và tránh lãng phí.

4.2.3. Một số biện pháp nhằm giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm

a. Tiết kiệm chi phí NVL TT

Một công trình xây dựng cần rất nhiều nguyên nhiên vật liệu vì vậy phải có phương án sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, lựa chọn nguyên vật liệu có giá thành hạ nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Do đó, phòng kế hoạch cần làm tốt hơn chức năng tư vấn trong công tác cung ứng nguyên vật liệu, xác định giá cả một số loại chính, giá trần để không đội nào mua với giá cao hơn. Những công trình thi công trên địa bàn xa thì tận dụng nguyên vật liệu của địa phương để giảm chi phí. Để giảm giá thành vật liệu công ty nên đặt mua khối lượng lớn nguyên vật liệu để phục vụ đủ hoàn thiện công trình và có yêu cầu về việc vận chuyển tại từng thời điểm tiến độ công trình, giao hàng nhiều đợt. Việc này sẽ giúp công ty tiết kiệm chi phí thông qua giảm chiết khấu, không phải ứng tiền trước, đồng thời chủ động về nguyên vật liệu, tiết kiệm được chi phí dự trữ, bảo quản

Do công ty sử dụng hình thức giao khoán cho các đội công trình nên việc kiểm tra thường xuyên rất khó, vì vậy công ty cần nâng cao khuyến khích tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên, có những hình thức khen thưởng xứng đáng đối với những cá nhân, tổ đội bảo quản vật tư tốt, thiệt hại xảy ra ít như vậy vừa tạo điều kiện củng cố đời sống của nhân viên lại tránh xảy ra thất thoát.

Bên cạnh đó công ty cần phải tiến hành thăm dò thị trường để tìm ra nguồn hàng rẻ mà vẫn đảm bảo chất lượng mặt khác cũng cần tạo dựng những mối quan hệ tốt đối với các nhà cung cấp để có được mối làm ăn lâu dài giảm bớt được các chi phí không cần thiết.

b. Sử dụng hiệu quả, phát triển nguồn nhân lực giảm chi phí nhân công

Khi tiến hành một công trình cần rất nhiều nhân công vì vậy công ty

cần xây dựng kế hoạch nhân lực hợp lý trước khi khởi công công trình, từ đó xác định số lao động cần thiết, biết được tình hình thừa thiếu nhân lực để chủ động điều tiết. Bố trí đúng người, đúng việc, tránh sự chông chéo. Với những công việc đòi hỏi yêu cầu về mặt kỹ thuật, mỹ thuật thì nhất thiết phải được những người có tay nghề cao đảm nhiệm. Ngược lại, những công việc giản đơn khác thì lao động phổ thông cũng có thể làm được.

Hiện nay, thị trường lao động có rất nhiều lao động nhân dôi đang cần việc do đó công ty có thể thuê họ làm theo thời vụ. Cho nên công ty cần phải xây dựng các khung mẫu cho đội, những đội này bao gồm các công nhân có tay nghề cao, nằm trong biên chế, còn số lao động giản đơn thì tiến hành thuê ngoài theo nhu cầu riêng của từng công trình thi công. Số lao động giản đơn này chỉ chịu sự trực tiếp chỉ đạo của tổ trưởng tổ đội chứ không ràng buộc về mặt hành chính với công ty. Việc làm này sẽ góp phần làm giảm quỹ lương, qua đó trực tiếp hạ giá thành công trình. Tuy nhiên hạn chế căn bản khi sử dụng lao động thuê ngoài là công nhân có trình độ thấp, ý thức kỷ luật kém. Để khắc phục hạn chế này cần thực hiện một số biện pháp:

Có chính sách đào tạo bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật nòng cốt là những lao động làm việc lâu năm ở công ty, có kế hoạch điều động xuống phụ trách đội.

Ở từng đội sản xuất trực tiếp cần phải phân tổ sản xuất thành những nhóm nhỏ, ở mỗi nhóm cử một người phụ trách. Sử dụng hình thức khen thưởng, kỷ luật bằng tiền đối với nhóm trưởng để gắn trách nhiệm của họ trong việc điều hành lao động trong nhóm, tránh lãng phí mất mát vật liệu và tự ý bỏ việc của công nhân.

c. Sử dụng hợp lý chi phí máy thi công

Công ty cần tính toán hợp lý để cho máy móc được hoạt động một cách hiệu quả nhất. Công ty có thể tổ chức điều động luân phiên máy móc thiết bị

tránh để xảy ra hiện tượng máy móc thừa và cũng không nên để máy hoạt động quá công suất cho phép, hàng kỳ công ty nên tiến hành bảo dưỡng thường xuyên để máy móc khỏi bị xuống cấp. Bên cạnh đó việc quản lý chặt chẽ số ca máy, giờ máy và việc sử dụng nhiên liệu cũng rất cần được chú trọng nhằm giảm chi phí sử dụng máy thi công.

Đối với máy móc thuê ngoài thì công ty phải có chứng từ theo dõi cụ thể nhằm giảm bớt những khoản chi phí không cần thiết. Khi tính toán phân bổ khấu hao TSCĐ, máy móc thiết bị dùng cho thi công công trình kế toán cần phân bổ chi phí khấu hao máy thi công căn cứ vào chi phí máy thi công, cần theo dõi chi tiết số ca máy phục vụ công trình đó.

Hàng tháng nên trích trước chi phí sửa chữa lớn máy thi công.

d. Sử dụng tiết kiệm chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là mục chi phí khá đa dạng, nhiều chủng loại, chứng từ phát sinh nhiều nên kế toán công ty cần tiến hành phân tích chi phí sản xuất chung theo tổng số chi phí và theo từng yếu tố để đánh giá sự thay đổi tỷ trọng của từng khoản chi giữa thực tế so với dự toán.

Để quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh thì phải kiểm tra, đối chiếu, so sánh kết hợp với các khoản mục liên quan: chi phí bằng tiền với khoản mục tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, dịch vụ mua ngoài với khoản mục phải trả người bán, tạm ứng... Đồng thời để kiểm soát tốt chi phí sản xuất, công ty cần xây dựng định mức chi phí, cơ chế khoán chi nội bộ hợp lý để tạo động lực tăng cường công tác kiểm soát, đề ra các biện pháp tiết kiệm chi phí.

e. Tăng cường công tác quản lý và khai thác TSCĐ

Bất kể một công ty xây dựng nào cũng đòi hỏi công ty phải mua sắm những TSCĐ có giá trị lớn do đó để tiết kiệm được chi phí và giảm giá thành sản phẩm thì đòi hỏi công ty phải quản lý và khai thác tốt các TSCĐ này. Mỗi công trình đòi hỏi những máy móc thiết bị khác nhau nhưng công ty không

thể đủ vốn để mua sắm hết các máy móc thiết bị vì vậy công ty có thể đi thuê máy móc ở ngoài, còn những máy móc thiết bị mà công ty đã đầu tư mua thì phải sử dụng cho hết khấu hao và công suất của nó. Khi công ty chưa có công trình để sử dụng máy móc này mà công ty khác cần ta có thể cho thuê tránh tình trạng máy móc để không. Để máy móc hoạt động hết công suất thì đòi hỏi phải có công nhân chuyên vận hành máy móc thiết bị và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Phải có sổ theo dõi TSCĐ cho từng bộ phận tránh tình trạng tính nhiều lần cho một TSCĐ và tài sản đã khấu hao hết rồi mà vẫn được tính khấu hao.

f. Khắc phục khó khăn về vốn dài hạn tạo điều kiện đầu tư

Đối với một công ty hoạt động trong ngành xây dựng đòi hỏi một lượng vốn rất lớn và lâu dài để khắc phục được khó khăn về lượng vốn dài hạn này đòi hỏi công ty phải lựa chọn phương thức huy động vốn có hiệu quả như:

Đa dạng hoá các kênh vay vốn nhằm tránh lệ thuộc vào một số ít ngân hàng khi có thời cơ kinh doanh đến.

Từ nguồn vốn tự có: Tăng cường kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng lợi nhuận ròng

Từ nguồn liên doanh: Với những dự án đầu tư lớn thì công ty có thể tiến hành kêu gọi góp vốn liên doanh nhằm giảm gánh nặng về vốn.

g. Kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý Công ty.

Chi phí quản lý Công ty có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Trong đó chi phí bằng tiền chiếm tỷ trọng lớn nhất gồm các khoản chi trả lãi vay đầu tư, lãi vay vốn lưu động và các chi phí khác. Ngoài việc tính toán, dự trừ các khoản vay vốn sao cho phù hợp với lãi suất, tránh được mức lãi suất cao và phù hợp với khả năng thanh toán.

Công ty cần kiểm soát các chi phí hoạt động bằng cách khoán chi theo công việc cần thiết cho các bộ phận căn cứ vào nhu cầu chi tiêu cần thiết đã

lập kế hoạch và căn cứ vào mức chi kỳ trước để điều chỉnh cho phù hợp, để đảm bảo bộ máy hoạt động tích cực và tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Cần quản lý chặt chẽ các khoản chi bằng tiền phục vụ đối ngoại, giao dịch. Để giảm lãi vay ngân hàng tìm mọi biện pháp để làm tăng nhanh tốc độ vòng quay của vốn, tận dụng các khoản tiền nhàn rỗi như: Bảo hiểm xã hội, quỹ lương của cán bộ công nhân viên, tiền khấu hao chưa sử dụng đến.

h. Hoàn thiện việc xây dựng mô hình kế toán quản trị của công ty

Công ty không nên tổ chức riêng một bộ phận kế toán quản trị vì qui mô kinh doanh của Công ty ở mức vừa nên sử dụng mô hình kết hợp với kế toán tài chính theo từng phân hành để có thể hỗ trợ nhau về nguồn nhân lực, thông tin đầu vào và tiết kiệm chi phí. Nghĩa là kế toán viên theo dõi phân hành kế toán nào sẽ chịu trách nhiệm thực hiện cả về kế toán tài chính và kế toán quản trị.

4.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ quản trị.

4.3.1. Xây dựng mô hình kế toán quản trị.

Với điều kiện hiện tại của công ty nên sử dụng mô hình kế toán quản trị như sau: công ty nên tổ chức mô hình kế toán quản trị theo mô hình tách rời. Mô hình tách rời là mô hình tổ chức hệ thống kế toán quản trị độc lập với hệ thống kế toán tài chính cả về bộ máy kế toán và công tác kế toán. Với mô hình này hệ thống kế toán quản trị chi phí sẽ phát huy được tối đa vai trò của mình.

4.3.2. Hoàn thiện quá trình thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin chi phí, giá thành sản phẩm

Việc quản lý chi phí sản xuất không chỉ đơn thuần là quản lý số liệu phản ánh tổng hợp chi phí mà phải dựa trên các yếu tố chi phí riêng biệt để phân tích toàn bộ chi phí sản xuất của từng công trình, HMCThay theo nơi

phát sinh chi phí. Dưới góc độ xem xét khác nhau, những tiêu chí khác nhau thì chi phí sản xuất cũng được phân loại theo các cách khác nhau để đáp ứng yêu cầu thực tế của nhà quản lý và hạch toán.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện phân loại chi phí theo nội dung kinh tế chức năng hoạt động mục đích công dụng của chi phí. Việc phân loại này chưa đáp ứng đủ yêu cầu của nhà quản trị. Công ty có thể bổ sung các cách phân loại chi phí sau:

Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được phân thành: Chi phí cố định, chi phí biến đổi và chi phí hỗn hợp. Mục đích của cách phân loại này là kế toán có thể cung cấp cho ban lãnh đạo Công ty những thông tin về sự biến động của từng yếu tố chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, chi phí biến đổi, chi phí cố định... theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Theo cách phân loại này khi mức độ hoạt động của công ty thay đổi, ban lãnh đạo có thể biết được các khoản chi phí này tăng hay giảm và mức độ biến động là bao nhiêu.

- Chi phí biến đổi: Là những loại chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động (Mức độ hoạt động có thể là năng suất lao động, số giờ thuê máy, khối lượng công việc...). Tổng chi phí biến đổi thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi, chỉ có chi phí biến đổi đơn vị là ổn định, không đổi. Chi phí biến đổi thường gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nhiên liệu của máy thi công...

- Chi phí cố định: Là những loại chi phí không biến đổi khi mức độ hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp, nhưng khi tính cho một đơn vị hoạt động thì chi phí cố định đơn vị thay đổi. Chi phí cố định đơn vị thay đổi tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động. Chi phí cố định bao gồm chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí tiền lương nhân viên quản lý được trả cố định theo tháng, chi phí công cụ dụng cụ...

- Chi phí hỗn hợp : là loại chi phí mà bản thân nó bao gồm cả các yếu tố của cố định và biến đổi. Xác định được yếu tố cố định và biến đổi trong chi phí hỗn hợp sẽ giúp ích cho nhà quản lý trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí bao gồm: chi phí sản xuất chung, chi phí máy thi công.

- Chi phí sản xuất chung được xác định bằng 5,5% tổng chi phí trực tiếp Chi phí máy thi công căn cứ vào nhật trình ca xe làm thực tế để xác định phần chi phí cố định là khấu hao máy móc thi công còn phần chi phí biến đổi là chi phí nhiên liệu phục vụ máy và lương công nhân vận hành máy.

Việc phân chia chi phí theo cách ứng xử của chi phí giúp công ty kiểm soát được chi phí và lập dự toán chi phí hợp lý hơn, có những quyết định phù hợp với từng loại chi phí để công ty có thể tiết kiệm tổng chi phí biến đổi, nâng cao hiệu quả của chi phí cố định trong sản xuất kinh doanh.

Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định

Cách phân loại này gắn với quyền kiểm soát chi phí với cấp quản lý như đội xây lắp, ban quản lý dự án... Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được phân thành:

- Chi phí kiểm soát được: Là những chi phí mà ban lãnh đạo ở cấp quản lý đội xây lắp hay ban quản lý dự án có thẩm quyền quyết định được sự phát sinh và lượng phát sinh của những chi phí này như: chi phí NVL TT, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh ở các đội xây lắp.

- Chi phí không kiểm soát được: Là những chi phí mà ban lãnh đạo ở đội xây lắp không có thẩm quyền quyết định , không thể dự đoán được chính xác sự phát sinh và lượng phát sinh của những chi phí này vượt quá tầm kiểm soát của ban lãnh đạo như: chi phí phát sinh do thay đổi thiết kế của chủ đầu tư, chi phí phát sinh do điều kiện thiên nhiên gây ra... những chi phí này đội xây lắp không thể kiểm soát được.

Với cách phân loại này khi công ty xác định được chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được nó sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với ban lãnh đạo thuộc từng cấp quản lý trong công ty làm cơ sở để xác định chi phí phù hợp cho ra quyết định.

Phân loại chi phí phục vụ cho lựa chọn phương án kinh doanh có lợi Công ty có thể phân loại chi phí căn cứ vào việc lựa chọn phương án kinh doanh có lợi hơn. Theo cách phân loại này chi phí được phân chia làm 3 loại:

- Chi phí chênh lệch: là những chi phí khác biệt về chủng loại và mức chi phí giữa các phương án sản xuất kinh doanh. Chi phí chênh lệch chỉ xuất hiện khi so sánh chi phí gắn liền với các phương án trong quyết định lựa chọn phương án tối ưu. Chi phí này có thể là chi phí cố định, chi phí biến đổi hay chi phí hỗn hợp.

- Chi phí cơ hội: là những lợi ích tiềm tàng bị mất đi khi lựa chọn thực hiện phương án và hành động này thay cho phương án hoặc hành động khác.

- Chi phí chìm: là khoản chi phí đã phát sinh và luôn luôn tồn tại trong các phương án sản xuất kinh doanh khác nhau. Chi phí chìm thường là các chi phí mà công ty chi ra trong quá trình đấu thầu. Chi phí này đã phát sinh và luôn tồn tại dù công ty có trúng thầu hay không.

Cách phân loại này sẽ cung cấp thông tin hữu ích giúp Công ty so sánh được chi phí phát sinh giữa các phương án từ đó ra quyết định lựa chọn công trình để tham gia đấu thầu.

4.3.3. Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất

Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí nguyên vật liệu Trong quá trình thực hiện kiểm soát chi phí NVL TT tại công ty đã phân tích nguyên nhân tăng, giảm chi phí nguyên vật liệu giữa dự toán và thực tế:

Về khối lượng tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Thay đổi thiết kế

+ Tăng do hao hụt vượt mức dự toán nhà nước cho phép hoặc thất thoát trong quá trình thi công cần có biện pháp quản lý tìm ra khâu làm tăng khối lượng để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

+ tiết kiệm được tỷ lệ hao hụt không làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình điều này tốt cho công tác quản lý.

Đơn giá tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Tăng do biến động giá nếu nhà thầu mua vật tư đúng thông báo giá tăng do biến động theo quy định sẽ được điều chỉnh giá sau khi quyết toán công trình. Tuy nhiên ban lãnh đạo phải bổ sung vốn bằng tiền để mua vật tư do chênh lệch thực tế so với dự toán.

+ Giảm do thay đổi phương thức cung cấp vật liệu bằng cách tận dụng các vật liệu có sẵn tại công trình như cát, đá... hoặc thay đổi cự ly vận chuyển so với dự toán chi phí vật liệu ban đầu, hoặc thay đổi bằng sản phẩm thay thế có giá thấp hơn không làm thay đổi chất lượng công trình được tư vấn giám sát và chủ đầu tư chấp thuận.

Mặt khác công ty cần thiết lập thông tin chi tiết trên các chứng từ ban đầu kiểm soát chi phí NVL TT qua từng khâu làm cơ sở cho việc kiểm soát CP NVLTT được hiệu quả.

Khâu mua hàng

Nguyên vật liệu tại công ty chủ yếu do phòng kế hoạch vật tư, đội thi công trình xin kế hoạch ban giám đốc và tiến hành lựa chọn nhà cung cấp nên rất có thể xảy ra gian lận khi phòng bắt tay với nhà cung cấp về việc làm giá hoặc làm giảm chất lượng nguyên vật liệu để thu lợi nhuận bất chính. Chính vì vậy công ty cần kiểm soát giá cả, số lượng, chất lượng nguyên vật liệu mà phòng mua bằng việc công ty nên giao cho phòng kế toán kiểm soát. Phòng kế toán sẽ có trách nhiệm theo dõi và kiểm soát giá cả, số lượng, chất lượng cũng như đánh giá, phân tích lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu trình lãnh

đạo công ty phê duyệt trước khi làm các thủ tục mua nguyên vật liệu, có trách nhiệm đồng kiểm tra, theo dõi chéo cùng các bộ phận khác.

Khâu giao và nhận nguyên vật liệu

Trong khâu này do nguyên vật liệu được mua và chuyển thẳng đến công trình hoặc nhập kho công ty nên có thể phát sinh gian lận về chủng loại và số lượng thực nhận hoặc chất lượng nguyên vật liệu không đảm bảo so với hợp đồng ký kết với nhà cung cấp. Do đó công ty cần phải có thủ tục kiểm soát ở khâu này chặt chẽ. Công ty nên giao cho bộ phận giám sát kỹ thuật (không phải là nhân viên thuộc đội thi công trình) có trách nhiệm kiểm tra, giám sát khi nguyên vật liệu mua về trước khi làm thủ tục nhập kho như xác định nguồn gốc, kiểm tra chất lượng NVL đảm bảo kỹ thuật thông qua phiếu kiểm tra chất lượng lô, nhãn mác các chứng chỉ thí nghiệm xi măng, mác xi măng trộn ... Sau khi NVL đã đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại bộ phận giám sát mới ký xác nhận nhập kho cùng thủ kho.

Khâu sử dụng nguyên vật liệu

NVL sau khi nhập kho hoặc xuất thẳng cho công trình, HMCT thì phiếu xuất kho, biên bản giao nhận cần chuyển thẳng về phòng kế toán kiểm soát và hạch toán. Phòng kế toán có trách nhiệm kiểm soát và đối chiếu phân tích số nguyên vật liệu thực tế sử dụng so với dự toán.

Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Biến động chi phí nhân công trực tiếp là chênh lệch giữa chi phí nhân công thực tế thực hiện so với chi phí nhân công tiêu chuẩn (dự toán, định mức). Phân tích biến động chi phí nhân công được phân tích trên hai nguyên nhân biến động là giá lao động và biến động năng suất lao động (NSLĐ).

Về khối lượng tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Thay đổi thiết kế: Tăng giảm sẽ dẫn đến khối lượng ngày công tăng giảm không do tác động của công tác quản lý.

+ Tăng do vượt định mức nhân công của nhà nước cho phép hoặc lãng phí ngày giờ trong quá trình thi công cần kiểm soát tốt có các biện pháp quản lý tìm ra khâu làm tăng khối lượng ngày công để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

+ Tăng do rút ngắn tiến độ thi công không làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình điều này tốt cho công tác quản lý.

+ Giảm khối lượng ngày công do thay đổi biện pháp thi công, tăng cường máy móc thay người lao động khi đó ca máy sẽ tăng lên cần cân đối hiệu quả sử dụng con người và máy móc.

Về đơn giá tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Tăng do thay đổi các quy định về định mức chi trả lương tối thiểu của nhà nước quy định của pháp luật sẽ được điều chỉnh sau khi công trình hoàn thành nhưng ban lãnh đạo cần bổ sung vốn bằng tiền để chi trả lương cho khoản kinh phí này chênh lệch so với dự toán chờ chủ đầu tư điều chỉnh giá.

Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí máy Phân tích nguyên nhân tăng giảm chi phí máy giữa dự toán và thực tế:

Về khối lượng tăng giảm do các nguyên nhân:

+ Thay đổi thiết kế: không do tác động của công tác quản lý.

+ Tăng do sử dụng vượt định mức dự toán của nhà nước cho phép hoặc lãng phí trong quá trình thi công kiểm soát không tốt cần có biện pháp tìm ra khâu làm tăng khối lượng ca máy để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

+ Tăng do chủ động thay đổi biện pháp thi công nếu có lợi và không ảnh hưởng đến thiết kế thì đây là kết quả tốt.

+ Giảm do tiết kiệm được tỷ lệ hao hụt không làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình điều này tốt cho công tác quản lý.

Về đơn giá tăng giảm do các nguyên nhân:

Tăng do biến động giá mua nhiên liệu xăng dầu... đúng thông báo tăng do biến động của nhà nước, theo quy định sẽ được điều chỉnh bù giá khi công

trình hoàn thành, ban lãnh đạo cần lưu ý chuẩn bị nguồn vốn bằng tiền để mua nhiên liệu, khi công trình hoàn thành sẽ được chủ đầu tư điều chỉnh giá.

4.3.4. Hoàn thiện phân tích và xử lý thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất phục vụ cho ra quyết định và lập báo cáo bộ phận

Phân tích thông tin thích hợp Để cung cấp thông tin thích hợp cho ban lãnh đạo Công ty trong việc ra quyết định, thông tin từ cá sổ chi tiết và báo cáo kế toán quản trị chi phí cần được trình bày dưới dạng phân tích thông tin chênh lệch như sau:

Bảng phân tích chi phí sản xuất
CÔNG TRÌNH: KHÁCH SẠN GIA NGUYỄN (1.000đ)

STT	Tên chi phí	Số thực tế	Số dự toán	Chênh lệch
1	Chi phí NVL TT	11.043.608	11.000.000	43.608
2	Chi phí nhân công trực tiếp thi công tại công trình	3.186.529	3.300.000	-113.471
3	Chi phí máy thi công	437.521	420.000	17.521
4	Chi phí sản xuất chung	977.232	950.000	27.232
	Cộng(1+2+3+4)	15.644.890	15.670.000	-25.110

Từ bảng phân tích chi phí sản xuất trên là dương hay âm để ban lãnh đạo biết được chi phí sản xuất thực tế cao hơn hay thấp hơn dự toán để tìm hiểu nguyên nhân và tìm ra hướng giải quyết.

Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận là xem xét mối quan hệ nội tại của các nhân tố: Giá bán, sản lượng, chi phí biến đổi, chi phí cố định và kết cấu mặt hàng, đồng thời xem xét sự ảnh hưởng của các nhân tố đó đến lợi nhuận của Công ty. Đây là công cụ hữu ích giúp ban lãnh đạo

Công ty đưa ra quyết định liên quan đến việc lựa chọn phương án với lợi nhuận tối ưu. Căn cứ vào các nguồn lực hiện có mà Công ty lựa chọn các yếu tố đầu vào như thế nào để đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng mong muốn.

Căn cứ vào kết quả phân tích, bộ phận tư vấn sẽ đưa ra những cảnh báo về sự thay đổi của lãi thuần khi các yếu tố giá cả vật liệu, tiến độ thi công, phương án thi công có sự biến động. Kế toán căn cứ vào tiến độ, khối lượng, đơn giá trúng thầu có thể lập được báo cáo thu nhập cho từng công trình, HMCT.

Ta thấy tại Công ty doanh thu của công trình, HMCT là không thay đổi nên để đạt được mục tiêu lợi nhuận thì công ty cần có các biện pháp giảm chi phí. Việc phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận sẽ giúp ban lãnh đạo lựa chọn phương án thi công tối ưu. Kết quả xử lý và phân tích thông tin kế toán quản trị chi phí cần được tổng hợp thành các báo cáo quản trị.

* Phân tích điểm hoà vốn:

Điểm hoà vốn là điểm mà tại đó doanh thu vừa đủ bù đắp hết các chi phí hoạt động kinh doanh đã bỏ ra, hay nói cách khác điểm hoà vốn là điểm mà tại đó Công ty không có lãi cũng không bị lỗ, là điểm mà tại đó tổng lãi trên biến phí đúng bằng định phí của Công ty trong kỳ.

Đối với Công ty đặc thù xây dựng trong lĩnh vực XD CB, các sản phẩm có tính đơn chiếc vì vậy khi xác định điểm hoà vốn nên xác định theo phương thức đối với Công ty sản xuất kinh doanh nhiều mặt hàng, thông qua xác định doanh thu hoà vốn trước sau đó đến sản lượng hoà vốn như sau:

$$\text{Tổng định phí} = \frac{\text{Doanh thu hoà vốn}}{\text{Tỷ suất lãi trên biến phí (LB\%)}}$$

Sau điểm hoà vốn của công ty thì công ty có thể tiến hành nhận các hợp đồng xây dựng mà giá trị của hợp đồng không nhất thiết cao hơn toàn bộ giá

thành công trình mà chỉ cần lớn hơn biên phí sản xuất nhằm nâng cao lợi nhuận và thị phần của công ty.

*Xác định giá bán sản phẩm :

Biết tận dụng những cơ hội điều chỉnh giá hợp lý có thể đem lại những cơ hội tăng lợi nhuận cao. Đối với công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản thì việc xác định giá các công trình là hết sức quan trọng vì đặc trưng của sản phẩm xây lắp đó là giá được xác định trước thời điểm sản xuất vì vậy việc xác định giá hợp lý là cơ sở cho công ty xác định giá trị dự thầu chính xác đảm bảo có lãi.

Với quy mô và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của công ty thì công ty đã có lãi, như vậy toàn bộ định phí quản lý kinh doanh bao gồm định phí bán hàng và quản lý Công ty công ty đã bù đắp đủ. Vì vậy, khi nhận thêm các công trình công ty chỉ cần tính đến chi phí, thu nhập của riêng công trình đó mà không cần tính đến việc bù đắp chi phí quản lý kinh doanh.

Nhìn chung chi phí của công trình được phân chia thành 2 bộ phận như sau:

- Phần định phí gồm: Chi phí tiền lương các khoản trích theo lương của nhân viên văn phòng đội, khấu hao TSCĐ, công cụ dụng cụ ở đội, điện nước, chi phí lán trại của đội, chi phí khấu hao máy thi công của đội thi công (vì máy thi công của đội thi công khấu hao theo phương pháp đường thẳng)...

- Phần biến phí: Chi phí lao động trực tiếp, chi phí NVL TT, chi phí mua, thuê máy thi công ngoài,....

Như vậy nếu đội thi công mà thi công từ 2 công trình trở lên, công trình ở gần nhau thì khi xem xét định giá từ công trình thứ hai trở đi chỉ cần xem xét đến phần biến phí của công trình đó, khi giá thầu chỉ cần lớn hơn biên phí của công trình và có được khoản lãi mong muốn là có thể nhận được hợp đồng xây dựng.

Như vậy, việc xác định giá công trình chính xác cần thiết ứng dụng mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận với nguyên tắc tối đa hoá tổng lãi trên biến phí.

Công tác đấu thầu: Qua việc phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận phục vụ đắc lực cho công ty trong việc xác định điểm hoà vốn, xác định giá bán sản phẩm từ đó giúp ích cho công tác đấu thầu và dự thầu của công ty. Công ty có thể căn cứ vào năng lực tài chính hiện tại của mình, khả năng đảm nhận thêm các công trình để xem xét đưa ra giá dự thầu hợp lý, giá dự thầu có thể thấp hơn giá thành toàn bộ của công trình nhưng lớn hơn biến phí toàn bộ đảm bảo thắng thầu, có lãi mà khai thác tối đa năng lực, tiềm lực của công ty.

Việc lập dự toán kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong hệ thống quản trị, vì đó là một khâu trong chu trình hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của ban lãnh đạo kinh doanh. Dự toán phải được lập trên nguồn thông tin từ nhiều phía, sử dụng một cách đồng bộ: Thông tin kinh tế tài chính, quan hệ cung cầu hàng hoá đặc biệt đối với các Công ty xây lắp vì giá trị công trình lớn, thời gian sử dụng dài nên để đảm bảo chất lượng công trình cần căn cứ vào tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật do Nhà nước ban hành cùng với khả năng phân tích dự đoán của những người lập dự toán.

Qua thực tế nghiên cứu công tác lập dự toán tại Công ty khi lập khoản mục chi phí sử dụng máy thi công lập chung vào theo nội dung từng phần việc của công trình theo ca máy không lập tách riêng chi phí máy thi công, và hoàn toàn không phân theo khoản mục chi phí lần theo cách ứng xử chi phí. Với cách lập dự toán như trên, cho thấy Công ty còn đang lập dự toán một cách chung chung chỉ nhằm mục đích cho công tác đấu thầu, chưa có số liệu phục vụ công tác kế toán quản trị.

Do vậy khi lập dự toán chi phí sử dụng máy thi công, trước hết cần xác

định được tổng biên phí máy thi công dựa trên dự tính tổng thời gian sử dụng trực tiếp và đơn giá biên phí máy thi công cho từng công trình. Sau đó xác định tổng định phí sản xuất cho từng công trình. Đây là chi phí cố định ít thay đổi, có thể lấy định phí của những công trình tương tự trước đó để tính toán. Trên cơ sở đó xây dựng dự toán chi phí sử dụng máy thi công theo tháng, quý tùy thuộc công trình thực hiện dài hay ngắn.

4.4. Điều kiện cơ bản để thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty

Xây dựng bộ máy kế toán phù hợp với cơ cấu quản lý của công ty. Xác định số lượng nhân viên kế toán cần thiết để đảm nhận khối lượng công việc kế toán của công ty. Tìm kiếm những nhân viên kế toán có trình độ phù hợp với quy mô phát triển của công ty để tiết kiệm chi phí. Nhanh chóng tuyển dụng và đào tạo lại nhân sự kế toán với định hướng đa dạng hoá nghiệp vụ và sử dụng thành thạo các công cụ xử lý thông tin hiện đại.

Tổ chức thực hiện, vận dụng hệ thống chứng từ kế toán, luân chuyển xử lý chứng từ là khâu quan trọng, quyết định đến thông tin kế toán. Do vậy, việc tổ chức luân chuyển trong các đơn vị phải nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng, tránh chùng chéo là rất cần thiết.

Xác lập hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh để làm cơ sở xác lập, định hướng thiết kế, xây dựng mô hình kế toán quản trị. Việc cung cấp thông tin kế toán phải đa dạng, phải coi trọng việc xây dựng, khai thác hệ thống báo cáo nội bộ và phải thấy được ý nghĩa của báo cáo kế toán quản trị trên các mặt sau: Cung cấp số liệu để phân tích thường xuyên tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế theo từng mặt cụ thể; Cung cấp các thông tin cần thiết để xây dựng kế hoạch, dự toán cũng như đánh giá lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh tối ưu.

Xác lập và cải tiến nội dung, mối quan hệ trong công tác kế toán hiện

nay (đa số nội dung công tác kế toán của các Công ty sản xuất kinh doanh hiện nay chỉ tập trung vào công tác kế toán tài chính), cải tiến mối quan hệ giữa bộ phận kế toán với các bộ phận quản lý, bộ phận sản xuất kinh doanh.

Cần phải từng bước xây dựng một hệ thống báo cáo quản trị. Một số báo cáo cần thiết trong quản trị là: Báo cáo tình hình sử dụng vật tư (trong đó phản ánh số lượng, đơn giá, chất lượng của từng chủng loại nhập và xuất dùng, ở từng bộ phận sử dụng) để thấy được tính hiệu quả trong việc sử dụng vật tư tại từng bộ phận, từ đó có biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng hơn nữa; Báo cáo tình hình nợ phải thu (theo từng đối tượng phải thu, thời hạn thanh toán); Báo cáo tình hình nợ phải trả theo từng chủ nợ và thời hạn thanh toán.

Tổ chức và hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất kinh doanh; từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng sản xuất kinh doanh; cần phải ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cụ thể là việc sử dụng tối đa phần mềm kế toán để cập nhật dữ liệu hàng ngày, giúp nhanh chóng có được những thông tin cần thiết cũng như việc tìm kiếm dữ liệu được nhanh và kịp thời.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trên cơ sở phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa, tác giả nhận thấy bên cạnh những vấn đề đạt được trong kế toán chi phí, còn tồn tại những vấn đề Công ty cần phải quan tâm. Trong chương 4, tác giả đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện các nội dung sau: Hoàn thiện công tác tổ chức và hạch toán chi tiết kế toán tài chính và kế toán quản trị tại đơn vị, đồng thời hoàn thiện thu thập thông tin liên quan đến quản trị chi phí trong hoạt động sản xuất xây lắp.

Để tạo cho việc thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí tại Công ty, luận văn cũng đã đưa ra một số kiến nghị thực thi cho quá trình tổ chức thực hiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và đầu tư Hiếu nghĩa.

KẾT LUẬN

Ngày nay, các Công ty xây lắp nói chung và Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa luôn đặt vấn đề quản lý tốt chi phí và hạ giá thành sản phẩm lên hàng đầu vì đây được coi là vấn đề trọng tâm quan trọng nhất, quyết định tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc hạch toán kế toán đúng, đủ chi phí và tính giá thành sản phẩm luôn được quan tâm sát sao để giúp ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn.

Qua nghiên cứu kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa, tác giả nhận thấy công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty rất được chú trọng. Bên cạnh ưu điểm mà Công ty đạt được cũng có một số tồn tại trong công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Vì vậy, kế toán cũng cần có những bước đổi mới, đặc biệt là công tác quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm để phục vụ mục đích quản trị.

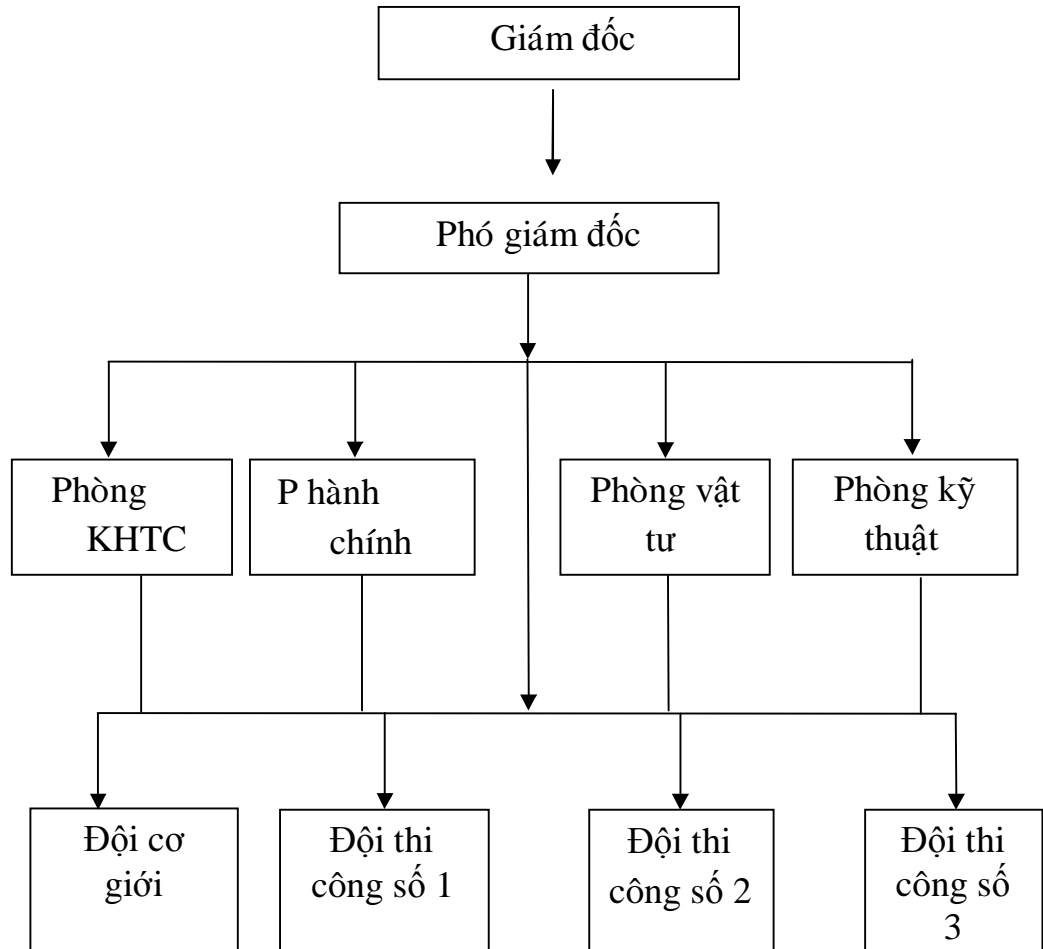
Trong bài viết của mình tác giả đã có những phân tích, đề xuất dưới đôi với kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm của Công ty. Ngoài ra do thời gian tiếp xúc với thực tế tại Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa chưa nhiều nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo, Ban lãnh đạo Công ty và các cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty để em ngày càng hoàn thiện bài nghiên cứu của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

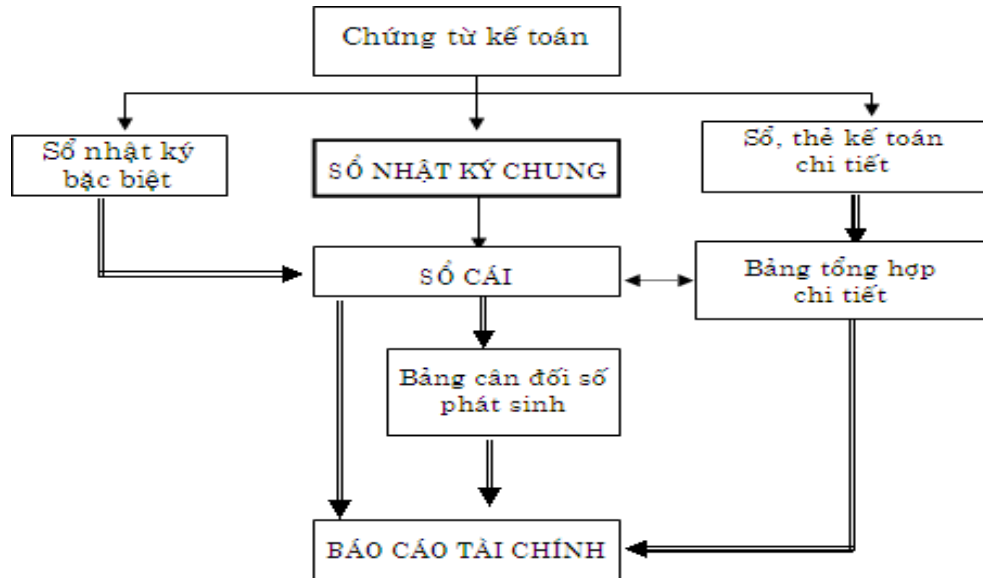
1. Quốc hội Việt Nam (khoá XI), Luật Kế toán 2015, ngày 20/11/2015.
2. Bộ Tài chính (2006), Quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp, Hà Nội.
3. Bộ Xây dựng (2007), Định mức 1776/BXD-VP ngày 18/6/2007 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.
4. Bộ Xây dựng (2017), Thông tư 06/2017-BXD ngày 10/03/2017 của Bộ xây dựng, hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
5. Bộ Tài chính (2014), Thông tư 200/2014, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
6. Nghiêm Văn Lợi (2007), Kế toán tài chính – NXB Tài chính
7. Nguyễn Tuấn Duy, Nguyễn Phú Giang (2008), Kế toán quản trị, Nhà xuất bản tài chính.
8. Nguyễn Ngọc Quang (2014) Giáo trình kế toán quản trị.
9. Tài liệu Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hiếu Nghĩa.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



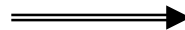
Phụ lục 2: Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty



Ghi hàng ngày



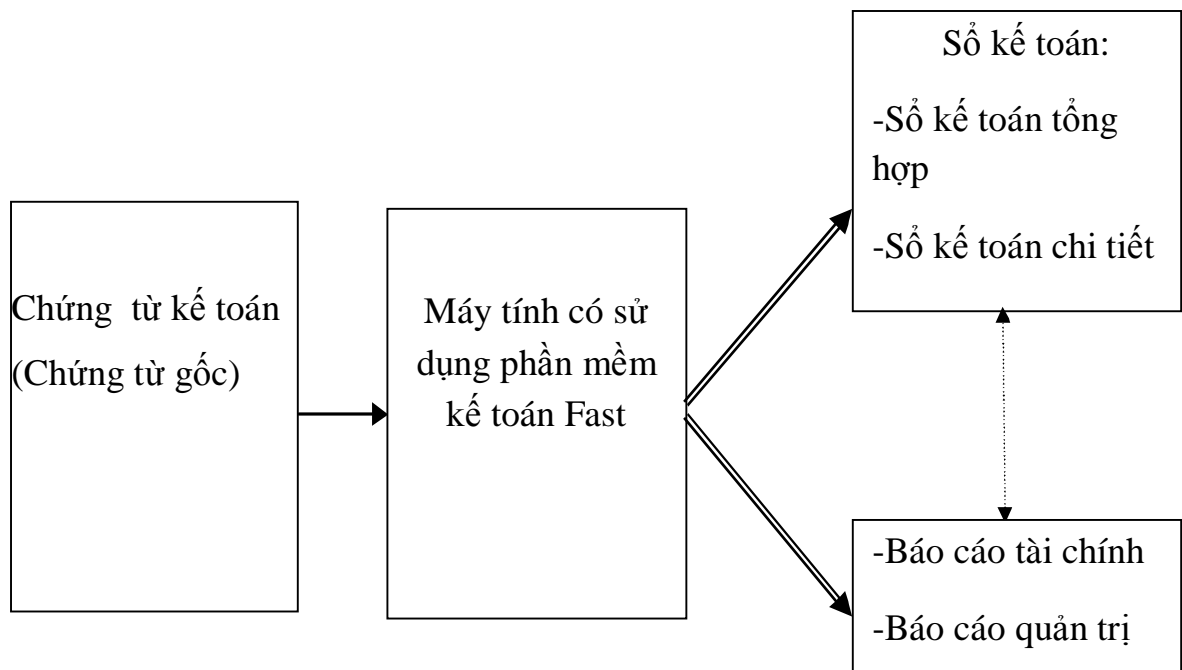
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



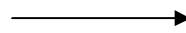
Đối chiếu



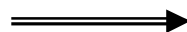
Phụ lục 3: Trình tự kế toán máy tại Công ty



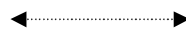
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối kỳ



Đối chiếu, kiểm tra



Phụ lục 4: Phiếu xuất kho

CTy TNHH Đầu tư và
Thương mại Hiếu Nghĩa

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 01 năm 2017

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

- Họ và tên người nhận hàng: An Việt Quỳnh Địa chỉ (bộ phận): Đội xây dựng số 2

- Lý do xuất kho: Xuất cát xây dựng khách sạn Gia Nguyễn

- Xuất tại kho (ngăn lô): Địa điểm

STT	Tên sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cát vàng	A24.0 66	m3	150.000	150.000	233.333	35.000.000
	Cộng			150.000	150.000		35.000.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Ba mươi lăm triệu đồng**.....

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày tháng năm...

Người lập

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

Phụ trách

(Ký, họ tên)

Phụ lục 5: Bảng chi phí vật tư công trình khách sạn Gia nguyên

STT	Mã số	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá
I)		I) VẬT LIÊU			
10	tbg	gia cong nep khuan cua go nhom 2	md	1,903.9	35,000.
11	TT	Khoá cửa đi (Việt Tiệp)	bo	162.	470,000.
12	TT	Bản lề	bo	426.	40,000.
13	TT	Cremon (Minh Khai)	bo	332.	150,000.
14	tbg	gia cong va lap dat tay vin cau thang bang go, kích thước 8x12cm - go cho chi	md	66.131	353,000.
15	TT	Sản xuất lắp dựng sảnh treo khung thép ốp ALUMINUMC&MPOSTEPANEL	m2	31.	900,000.
16	TT	Động cơ cửa cuốn loại 400kg (trung quốc-Qilin, tec)	bộ	1.	5,900,000.
17	TT	Vách nhựa tổng hợp ngăn khu vệ sinh tầng 1+ 9 + 10	m2	43.3	1,200,000.
18	TT	sản xuất mặt bằng LAVABO đá granit tự nhiên	m2	28.5	1,500,000.
19	A24.008	Bê tông 20x4x250	cái	28.6	1,196.
20	A24.062	Cát mịn ML 0,7-1,4	m3	145.6617	39,500.
21	A24.063	Cát mịn ML 1,5-2	m3	232.0405	39,500.
22	A24.066	Cát vàng	m3	549.9467	65,000.
23	A24.152	Đá 1x2	m3	900.5954	120,000.
24	A24.163	Đá granit tự nhiên	m2	715.9998	600,000.
25	A24.176	Đất đèn	kg	2.6783	11,500.
26	A24.181	Đinh đĩa	cái	309.9737	748.
27	A24.187	Đinh các loại	kg	493.7573	12,500.
28	A24.258	Gạch đặc 6,5x10,5x22	viên	5,541.77	449.

Phụ lục 6: Báo cáo nhập xuất tồn công trình khách sạn Gia Nguyễn tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO NHẬP, XUẤT, TỒN											
Tháng 01/2017											
Mã công trình	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tồn kho cuối kỳ		Nhập trong kỳ		Số lượng xuất kho	Xuất trong kỳ		Tồn kho cuối kỳ	
			SL	Triệu đồng	SL	Triệu đồng		SL	Triệu đồng	SL	Triệu đồng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
RD	Rèn đất	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
HM	Hạt nhân	kg	30.01	603.148	30.01	1.775.000,00	39.848	11.10	1.119.010	30.01	1.210.741
ES	Bụi cát 10mm	kg	900,00	1.080.000	-	-	1.200	-	-	900,00	1.080.000
BSPG	Bùn sét B	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
HL	Hạt sàng M2000	kg	300.01	1.170.148	-	-	7.941	-	-	300.01	1.170.001
CAUD	Cát đen	m3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CAIM07	Cát mịn M1 0,7-1,4	m3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CAIM15	Cát mịn M1 1,4-3,0	m3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
CAUV	Cát vàng	m3	-	-	140,00	22.000,000,00	222,222	12,50	22.000,000	-	-
LOX	Lo xo	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
INDX	Xi măng	m3	-	-	191,01	1.740.000,00	191,01	-	-	191,01	1.990.001
DA12	Đá 12	m3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
DA24	Đá 24	m3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
DAM	Đá 40	m3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
DAT	Đá tảng	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
DATN	Đá tảng nhỏ	kg	400,00	102.000	-	-	255	-	-	400,00	102.000
DAVT	Tổng hợp	kg	30.00	400.000	-	-	30.000	1,80	76.000	16.00	324.000
DAVT4	Đá tảng 4 kg	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
LD	Đá sỏi	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
DNB	Đinh	kg	10,00	200.000	-	-	20.000	2,20	66.000	6,70	134.000
DNHG	Đinh thép	kg	30.01	110.148	-	-	7.401	11,10	39.700	74,01	100.148
DNHV	Đinh thép 10	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
FLNK	Fluxin	kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-
GACH2L	Gạch 180x180	m2	730,01	14.193.148	-	-	730,01	1.10	1.220.000	730,01	16.100.001
GACH3H	Gạch 180x180	m2	22.000,00	41.820.000	10.500,00	10.000.000,00	1.000	5.000,00	20.000,000	16.013,00	32.144.200
GACHC	Gạch 180x180	m2	140,00	9.800.000	70,00	1.111.000,00	40.100	14,10	3.161.000	140,00	11.671.000

Phụ lục 7: Định mức cấp phối vật liệu xây dựng

ĐỊNH MỨC CẤP PHỐI VẬT LIỆU CHO 1M3, 1M2 XÂY GẠCH											
TƯỜNG XÂY GẠCH CHÌ					TƯỜNG XÂY GẠCH THÊ						
Loại công trình	Độ cao	Vật liệu dùng cho 1 đơn vị định mức				Loại công tác	ĐVT định mức	Vật liệu dùng cho 1 đơn vị định mức			
		Loại vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Số lượng			Loại vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Số lượng
Kỹ năng láng gạch chỉ dày 20mm	1m3	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	547	Kỹ năng láng gạch chỉ dày 20mm	1m2 xây	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	245
		Vữa		lít	207			Vữa		lít	240
Kỹ năng lát gạch chỉ dày 20mm	1m2	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	190	Kỹ năng lát gạch chỉ dày 20mm	1m2 xây	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	205
		Vữa		lít	240			Vữa		lít	245
Kỹ năng lát gạch chỉ dày 10mm	1m2	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	48	Kỹ năng lát gạch chỉ dày 10mm	1m2 xây	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	48
		Vữa		lít	12			Vữa		lít	7,2
Kỹ năng láng gạch chỉ dày 10mm	1m2	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	52	Kỹ năng láng gạch chỉ dày 10mm	1m2 xây	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	52
		Vữa		lít	25			Vữa		lít	25
Kỹ gạch chỉ nghiêng mái nhô	1m2	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	52	Kỹ gạch chỉ nghiêng mái nhô	1m2 xây	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	162
		Vữa		lít	35			Vữa		lít	43
Kỹ năng láng gạch chỉ dày 20mm	1m2	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	172	Kỹ năng láng gạch chỉ dày 20mm	1m2 xây	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	190
		Vữa		lít	200			Vữa		lít	240
Kỹ năng lát gạch chỉ dày 20mm	1m2	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	198	Kỹ ốp nư lát gạch chỉ	1m2 xây	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	770
		Vữa		lít	200			Vữa		lít	104
Kỹ năng láng gạch chỉ dày 10mm	1m2	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	111	Kỹ các bộ phận kết cấu cho mức phối tự khác	1M3 xây	Gạch chỉ	220x10,5x6	viên	807
		Vữa		lít	100			Vữa		lít	100
Mức định mức cấp phối vật liệu xây dựng		CẤP PHỐI VẬT LIỆU XÂY DỰNG				CẤP PHỐI VẬT LIỆU XÂY DỰNG					

Phụ lục 8: Bảng tổng hợp chi phí công trình khách sạn Gia Nguyễn

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHIPHÍ TRỰC TIẾP			
I	Chi phí Vật liệu	VL	A	11,043,608,298.
	+ Theo đơn giá trực tiếp	AI	Bảng dự toán hàng mục	8,343,204,367.
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	2,700,403,931.
	+ Chi phí vận chuyển, bốc xếp	VC		
	Cộng	A	A1 + CL	11,043,608,298.
2	Chi phí Nhân công	NC	NC1	3,186,529,617.
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hàng mục	1,638,824,119.
	Nhân hệ số riêng nhân công	NC1	B1 x 1,9444	3,186,529,617.
3	Chi phí Máy thi công	M	M1	437,521,868.
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hàng mục	413,146,240.
	Nhân hệ số riêng máy	M1	C1 x 1,059	437,521,868.2
4	Chi phí trực tiếp khác	TT	(VL + NC + M) x 2,5%	366,691,494.6
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M + TT	15,034,351,277.6
II	CHIPHÍ CHUNG	C	T x 6,5%	977,232,833.
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+C) x 5,5%	880,637,126.1
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+C+TL)	16,892,221,237.
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 0,1	1,689,222,123.7
	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxđcpt	G+GTGT	18,581,443,360.7
V	Chi phí xây dựng lán trại, nhà tạm	Gxdnt	Gxđcpt x 0,01	185,814,433.6
VI	TỔNG CỘNG	GXD	Gxđcpt + Gxdnt	18,767,257,794.